

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 282, NĂM THỨ 21

THÁNG 1-2018



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphathoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TĨNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

Học Phật để giải thoát	<i>BBT</i>	3
Tìm hiểu cái chết để sống tốt đẹp hơn	<i>H. Phong ch. ngữ</i>	4
Sư lương thiên không cần qua sát hạch	<i>Ngọc Trúc</i>	16
Pháp cú Phẩm Tham Ái: 336	<i>HT. Thích Minh Châu dịch</i>	17
Cáo Bạch Tang Lễ Gs Trần Quang Thuận	<i>Ban Tang Lễ</i>	18
Ba thời Chuyển Pháp Luân	<i>Cư sĩ Nguyễn Giác</i>	19
Thơ: Vô Thường Hư Vô	<i>Phổ Đồng</i>	21
Bàn về sự thật	<i>J. Krishnamurti - Ông Không dịch</i>	22
Jiddu Krishnamurti	<i>Phúc Trung</i>	23
Thơ: Khung trời cũ	<i>Tuệ Sỹ</i>	25
Ý nghĩa lễ quán đảnh	<i>Drukpa Việt Nam</i>	26
Hư Hư Lục: Chiếc cùm bằng ngọc	<i>Thích Nữ Như Thủy</i>	31

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Học Phật để giải thoát

Chúng ta biết rằng biển rộng bao la, nó chiếm đến 4 phần 5 bề mặt của địa cầu, tuy rộng lớn như thế, nhưng đâu đâu biển cũng có một vị mặn.

Đức Phật tùy theo hoàn cảnh căn cơ để giảng dạy cho chúng sinh khai mở trí tuệ, hiểu được bốn sự thật vĩnh viễn trên đời, được gọi là bốn chân lý: Sinh, lão, bệnh, tử. Con người ta do cha mẹ sinh ra mà có, thân này rồi phải già nua, bệnh tật mà chết.

Sanh, lão, bệnh, tử đều gây ra sự khổ đau cho thân xác, nhưng cũng còn có sự khổ đau nữa về mặt tinh thần. Đức Phật dạy người ta phải xả bỏ, xa rời tất cả những luyến ái, tham lam, sân hận để cho tâm được an vui. Tâm an vui, bình thản thì tránh được sự khổ ải về tinh thần.

Học Phật không phải chỉ cầu cho được giàu có, bởi vì sự giàu có chỉ do một trận hỏa hoạn, thiên tai người ta trắng tay trong phút chốc.

Đức Phật dạy: “Đạo Phật chỉ có hương vị giải thoát, như biển chỉ có vị mặn.” Cho nên dù có “Tám muôn, bốn ngàn pháp môn”, chẳng qua là tùy trường hợp, để Phật chỉ cho người ta nhận thức được con đường tu học, để giải thoát mọi khổ đau.

Sự giàu sang hay nghèo khó, hạnh phúc hay khổ đau là do kết quả từ những hành động kiếp trước được gọi là nghiệp mang đến kiếp này. Đức Phật dạy cho người ta tạo nghiệp nhân tốt, để có nghiệp quả tốt cho mai sau. Con đường đó không ngoài tu tập làm các việc lành gồm cả thân, miệng, ý.

Thân không làm việc ác, trái lại làm việc lành, giúp đỡ người chung quanh khi hoạn nạn, nghèo khó hướng dẫn họ làm việc lành. Không chửi mắng người, không nói lời ác trái lại nói lời nhẹ nhàng, dịu ngọt làm nhẹ bớt nỗi khổ đau của người khác. Tâm chẳng những không nghĩ tới điều ác hại người hại vật, trái lại luôn nghĩ đến và làm điều lành cho mọi người được an vui.

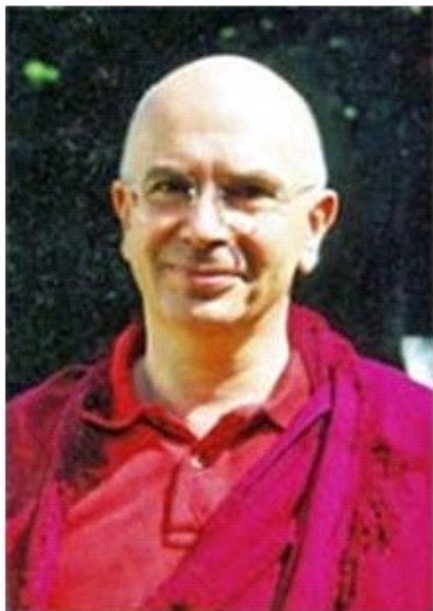
Học Phật là học tu tập để giải thoát mọi khổ đau cho mình và cho người, cho hôm nay và mai sau. Hương vị Giải thoát của Đức Phật luôn tỏa ngát, luôn giúp ích cho người đi theo vết mơn của Phật.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Tìm hiểu cái chết để sống tốt đẹp hơn

Apprendre la mort pour mieux vivre

Lama Denys Rinpoché Hoang Phong chuyển ngữ



Lama Denys Rinpoché (1949-)

Lời giới thiệu của người chuyển ngữ

Dưới đây là một bài giảng ngắn của Lạt-ma Denys Rinpoché, một nhà sư người Pháp. Ông sinh năm 1949, tu tập theo Phật giáo Tây Tạng từ lúc còn trẻ, vị Thầy chính thức của ông là nhà sư nổi tiếng Kalu Rinpoché (1905-1989), ngoài ra ông còn được thụ giáo thêm với rất nhiều vị Thầy lỗi lạc khác như Đức Đạt-lai Lạt-ma XIV, Dudjom Rinpoché, Kangyr Rinpoché, Pawo Rinpoché X, Dilgo Khyentsé Rinpoché, Karmapa XVI, v.v. Hiện ông trụ trì một ngôi chùa Tây Tạng tại Pháp và cũng là chủ tịch danh dự của Tổng hội Phật giáo Âu Châu.

Các bài viết cũng như bài giảng của ông rất cô đọng, thiết thực và sâu sắc, dung hòa và kết hợp thật tuyệt vời các truyền thống Phật giáo Tây Tạng và tinh thần khoa học và duy lý của Tây Phương. Độc giả có thể xem bản gốc tiếng Pháp của bài giảng này trên trang mạng: <http://ciret-transdisciplinarity.org/bulletin/b19c20.php>.

Điều chủ yếu nhất chính là hiện tại

Nguyên lý tương liên là nguyên tắc căn bản nhất trong Phật giáo, chi phối tất cả mọi sự vật, khiến chúng luôn ở trong một tình trạng tương kết với nhau và thường xuyên chuyển đổi. Bản chất luôn chuyển động và tạm thời đó của tất cả mọi sự hiện hữu được gọi là "vô thường". Sự thực đó mang giá trị toàn cầu, tác động đến toàn thế giới kể cả con người và trong bất cứ hoàn cảnh nào. Nhờ vô thường nên sự sinh, cái chết và sự hiểu biết mới có thể xảy ra được; vô thường cũng chính là lý do khiến chúng ta chết (*câu trên đây nêu lên một tầm nhìn thực tế về sự hiện hữu và một khía cạnh thật tích cực của vô thường: đó là sự hiểu biết. Nhờ vô thường sự hiểu biết mới có thể xảy ra và thăng tiến được, nếu không thì u mê sẽ vẫn mãi mãi là u mê.*)

Thông thường chúng ta không mấy khi chú ý đến tác động của vô thường, nhất là đối với bản thân mình. Cái ngã (*Éai tôi*) có xu hướng che giấu bản chất vô thường của nó, tức là hiện thực về cái chết của chính nó, một hiện thực không tránh né được cũng không biết trước được (*Éai tôi*"hay *Éai ngã*" cũng không thoát khỏi nguyên lý vô thường của vạn vật, cũng đổi thay và chết, nếu xem nó là linh hồn,"thì cái linh hồn"ấy cũng sẽ vô thường như tất cả mọi hiện tượng khác).

Khi nào ý thức được thật minh bạch vô thường cũng hàm chứa các khía cạnh tích cực thật tuyệt vời, thì điều đó trước hết cũng đã giúp mình buông bỏ dễ dàng những gì bên ngoài (*bởi vì chúng chỉ là phù du*), và nhờ đó mình cũng sẽ tạo được một cuộc sống phóng khoáng, hài hòa và ít xung đột hơn. Nếu ý thức được vô thường và chuẩn bị cho cái chết của mình, và nhất là thành thực chấp nhận sự hiện thực của nó, thì nhất định chúng ta sẽ cảm thấy ít bám víu hơn và tạo được cho mình một cuộc sống tròn đầy và phong phú hơn. Khi thời điểm không tránh khỏi được xảy đến, thì khi đó mình cũng sẽ không

quá kinh hoàng như trong trường hợp không chuẩn bị trước. Tập ý thức thật mạnh về hiện thực của cái chết đối với bản thân mình không phải là một hình thức luyện tập khiếp đảm, ít nhất cũng không phải là một hình thức yêu thích những sự đau đớn (masochistic), mà chỉ là một cách giúp mình biết sắp xếp lại các mục đích ưu tiên trong cuộc sống, hầu giúp mình biết tập trung vào những gì thiết thực trong hiện tại. Đây chính là ý nghĩa của việc tìm hiểu cái chết với tất cả sự ý thức đúng đắn về vô thường, sự tìm hiểu đó thật hết sức cần thiết hầu giúp mình biết sống một cách tốt đẹp hơn trong những giây phút của hiện tại này (*Lạt-ma Denys mỗi khi nói đến sự ý thức về vô thường đều nhấn mạnh đến tính cách đúng đắn "và đích thật" của sự ý thức đó, bởi vì nhiều người khi ý thức được sự tạm bợ của thế giới này thì tìm đủ mọi cách tận hưởng những thứ phù du trong cuộc sống, thế nhưng đây chỉ là cách mang lại thêm cho mình đủ mọi thứ khổ đau và đổ vỡ, và tự mình tàn phá kiếp sống quý giá này của mình mà thôi. Hãy nhìn vào vô thường qua các khía cạnh tích cực của nó*).

Sống hài hòa với cái chết

Khả năng đón nhận cái chết trong sự hài hòa tùy thuộc vào phong cách sống trong suốt cuộc đời đang sắp kết thúc của mình. Cái chết cũng tương tự như một cuộc thi, một hình thức kết quả mang lại từ sự sống, và thật ra thì đây cũng là cơ hội cuối cùng để chứng tỏ kiếp sống đúng đắn của mình (*nhắm mắt chính là dịp sau cùng để nhìn lại kiếp người của mình, do đó mình cũng nên chuẩn bị ngay từ bây giờ hầu cái nhìn sau cùng đó sẽ mang lại cho mình một sự hãnh diện hay ít nhất cũng là một nụ cười thanh thản trên môi*).

Nếu muốn đối mặt với cái chết một cách tốt đẹp thì điều hết sức quan trọng là phải tìm hiểu nó ngay từ bây giờ, bằng cách nhìn thẳng vào bản chất vô thường của bản thân mình. Ngay trong lúc này nếu biết thành thực ý thức về cái chết, bằng cách làm quen với sự hiện thực của nó, thân thiện với nó, thẳng thắn chấp nhận nó, thì sau này mới mong vượt thoát tình trạng chỉ biết ngoảnh mặt đi và sợ hãi mà nó sẽ tạo ra cho mình nếu mình không chuẩn bị trước. Suy tư về ý nghĩa của sự sống và cái chết tự nó cũng đã là một sự giải thoát thật sâu xa.

Ở cấp bậc cao nhất, việc tìm hiểu cái chết chính là tâm điểm của tất cả các truyền thống tâm linh (*thật hết sức hiển nhiên bởi vì tất cả các tín ngưỡng đều phát sinh từ sự bám víu vào sự sống, phản ánh bản năng sợ chết của con người*), nói chung là cách tìm hiểu xem cái chết của mình - hay cái ngã của mình - sẽ xảy ra như thế nào? Tâm điểm của vấn đề này thật ra cũng chỉ xoay quanh một thắc mắc chủ yếu nhất: "Vậy thì ai sống và nhất là ai chết?". Giải đáp hoàn toàn tùy thuộc vào quan điểm về bản chất của tri thức - có nghĩa là đối với những người chủ trương duy vật thì cái gì sẽ cùng chết với thân xác, và đối với những người chủ trương duy tâm thì cái gì sẽ tiếp tục tồn tại sau cái chết vật chất. Khi nào quán nhận được chỉ có bản thể "siêu cá nhân" (supra-individual) của tâm thức là sống còn (*tồn tại sau cái chết*) và chỉ có cái tôi (*hay cái ngã*) là chết, và đồng thời cũng quán thấy được bản chất đích thật của những thứ ấy và cả các đặc tính ảo giác của chúng, thì đây sẽ là cách mang lại cho mình một sự giải thoát tối thượng, kể cả đối với cái chết. Đối với một người nào đó khi cái tôi của mình đã chết, đồng thời cũng nhận biết được bản thể của tâm thức mình đã vượt thoát khỏi mọi sự biến động, thì người này nào còn biết sợ hãi một thứ gì khác nữa?

Sự sống vận hành theo từng chu kỳ

Sự sống theo quan điểm Phật giáo không diễn tiến theo một đường thẳng, cũng không bắt đầu từ một khởi điểm và sau một hạn kỳ nhất định nào đó thì sẽ dừng lại bằng cái chết như là một sự chấm dứt vĩnh viễn. Sự sống mang tính cách chu kỳ: cái chết chỉ là sự kết thúc của sự sinh. Cái chết sẽ không thể nào xảy ra được nếu không có sự sinh [xảy ra trước nó], cũng vậy không thể nào có sự sinh mà lại không có cái chết [xảy ra trước đó], cả hai [sự sinh và cái chết] đều là các điều kiện tối cần làm hiện ra sự sống, cả hai đều là các thành phần bất khả phân của sự sống đó.

Sự sinh và cái chết cũng chỉ là các giai đoạn (passage) hay các sự chuyển tiếp (transition) mà Phật giáo Tây Tạng gọi là *bardo* [1] (*xem ghi chú của tác giả bên dưới*), nghĩa từ chương của chữ này là "trung gian" hay "chuyển tiếp", có nghĩa là các giai đoạn tiếp nối nhau trong chu kỳ của sự sống, điều này cũng cho thấy tất cả chúng ta luôn ở trong

tình trạng "tạm thời" (transit), thường xuyên chuyển đổi từ hết thể dạng tri thức này sang thể dạng tri thức khác.

Quan điểm trên đây được giải thích trong một trước tác nổi tiếng - *Quyển sách Tây Tạng về cái chết/Bardo Theudreul* - mô tả thật tỉ mỉ quá trình của cái chết và sự tái sinh dựa vào các hình ảnh biểu trưng mang nặng tính cách bí truyền (esoteric). Quá trình đó nêu lên các thể dạng "biến đổi" hay "hoán chuyển" của tâm thức, không những [ở cấp bậc thu hẹp] từ khoảnh khắc tri thức này sang khoảnh khắc tri thức khác, mà còn [ở các cấp bậc rộng lớn hơn] từ thể dạng hiện hữu này sang thể dạng hiện hữu khác [2] (*Quyển sách Tây Tạng về cái chết* được xem là trước tác của nhà sư Padmasambhava/Liên Hoa Sinh, thế kỷ thứ VIII).

Xin lưu ý là các sự hoán chuyển đó sẽ đưa đến sự "tái sinh" (renaissance) mà người ta thường gọi sai là "đầu thai" (reincarnation). Sự tái sinh không dựa vào bất cứ một thực thể hay một "linh hồn" [3] mang tính cách vững chắc và trường tồn nào làm nền tảng cho sự tái sinh đó (*trái lại đầu thai* được hiểu như là sự hiển hiện trở lại của một cá thể mang theo với nó linh hồn của chính nó trong kiếp sống trước, Phật giáo không chủ trương một sự tiếp nối theo mô hình đó, bởi vì tất cả đều biến đổi trong thế giới hiện tượng, kể cả linh hồn," chẳng hạn trong cùng một kiếp sống linh hồn của một người lớn tuổi sẽ không còn giống với linh hồn của chính người này lúc ấu thơ). Hơn nữa và cũng thật hết sức quan trọng là các khái niệm này (*sự tái sinh*) dù không được kiểm chứng cụ thể nhưng không phải vì thế mà bắt buộc tất cả chúng ta đều phải có một niềm tin (*để chấp nhận hiện tượng tái sinh*), bởi vì mỗi người tùy khả năng hiểu biết của mình có thể chấp nhận hay không chấp nhận quan điểm trên đây, và cả các hình thức ứng dụng rút tĩa từ quan điểm đó (*chúng ta không bắt buộc phải tin hay không tin vào sự tái sinh, bởi vì điều đó đòi hỏi phải có một khả năng hiểu biết sắc bén, chỉ có các thể dạng lắng sâu trong thiền định mới có thể giúp mình cảm nhận được các hiện tượng tái sinh một cách minh bạch. Ở cấp bậc thông thường thì sự kiện tin hay không tin vào sự tái sinh sẽ ảnh hưởng đến cung cách hành xử của mình trong cuộc sống. Chẳng qua vì sự chọn*

lựa giữa hai quan điểm đó sẽ có thể hoặc khiến mình trở thành một con người biết hướng vào đạo đức để vạch ra cho mình một hướng đi hầu chuẩn bị cho mình một kiếp sống khác tốt đẹp hơn trong tương lai, hoặc trở thành một con người chỉ biết sống buông thả, vô trách nhiệm đối với mình và kẻ khác, không cần biết đến các hậu quả do tư duy và hành động của mình sẽ mang lại cho mình, bởi vì mình cho rằng tất cả sẽ chấm dứt sau khi chết). Điều quan trọng sau cùng là các sự hiểu biết về quá trình hoán chuyển từ thể dạng tri thức này sang thể dạng tri thức khác, từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc khác - có nghĩa là các mô hình chuyển tiếp của các sự cảm nhận sau khi cái chết vật chất xảy ra - rất có thể sẽ vẫn còn tiếp tục thuộc vào lãnh vực giả thuyết [trong lâu dài]. Thật vậy, chỉ khi nào quán thấy được bản chất sâu kín của tâm thức mình thì khi đó mình mới có thể xác nhận dứt khoát được các điều đó (*như đã nói đến trên đây, chỉ có sự suy tư lâu dài và các thể dạng lắng sâu trong thiền định mới có thể giúp mình quán thấy được các nguyên nhân nào đã đưa đến sự hiện hữu này của mình, cũng như các yếu tố nào và các giai đoạn trung gian nào sẽ đưa mình đến một sự tái sinh mới*).

Dầu sao các khảo cứu trong thế giới Tây Phương về vấn đề này cũng đáng quan tâm. Dù các khảo cứu này được thực hiện trong tinh thần khoa học thế nhưng kết quả mang lại đều phù hợp với những điều chỉ dạy theo truyền thống và các kinh nghiệm lâu đời nêu lên trong quyển sách *Bardo Theudreul/Quyển sách Tây Tạng về cái chết* (trong Phật giáo Tây Tạng có một phép luyện tập thiền định giúp người hành thiền theo dõi quá trình của cái chết và cả sự tái sinh xảy ra tiếp theo sau đó. Các nhà sư cao thâm nhờ phép luyện tập này có thể khởi động quá trình của một cái chết giả tạo/simulation và sau đó có thể trở lại sự sống bình thường của mình. Nhờ đó họ có thể biết được những gì xảy ra sau cái chết vật chất. Dầu sao quá trình của cái chết cũng chỉ xảy ra một cách tuần tự, hăng lực hay khả năng cảm nhận của ngũ giác và tâm thức lan biến/suy yếu dần dần cho đến khi hoàn toàn ngưng hoạt động. Do đó cái chết diễn tiến - ít nhất là trong các điều kiện bình thường - theo một quá trình tuần tự, tức không đột ngột theo cách định nghĩa của Y khoa Tây Phương căn cứ vào một số tiêu chuẩn bên

ngoài chẳng hạn như tim ngừng đập và máu huyết ngưng lưu thông, cơ thể không còn phản ứng, nếu có máy móc đo đạt thì có thể xác định thêm một yếu tố nữa là sự ngưng hoạt động của não bộ. Dầu sao thì cách định nghĩa này của Y khoa Tây Phương về cái chết cũng thật hết sức thô thiển, thiếu hẳn sự tinh tế). Cách nay nhiều năm, các công cuộc khảo cứu của Bác sĩ Moody [4] (*Expériences de Mort Imminente/Các cảm nhận cận tử*), và của Ian Stevenson [5] (*giáo sư Tâm thần học*) về các trường hợp nhớ lại các kiếp sống quá khứ đã tạo được nhiều tiếng vang.

Biết ý thức một cách thành thực về cái chết sẽ mang lại cho mình một sự tự do trong nội tâm, tức một thái độ biết buông bỏ hầu giúp mình xác định lại nhưng gì ưu tiên trong cuộc sống dựa vào các tiêu chuẩn thiết thực hơn. Người ta nhận thấy những người từng tiếp cận với cái chết qua các thể dạng E.M.I (*tức các Cảm nhận cận tử/Expériences de Mort Imminente/Near Death Experience*) thường biến cải cuộc sống của mình sau đó theo một chiều hướng tích cực hơn.

Các cảm nhận trong lúc xảy ra chết

Các điều chỉ dẫn trong *Quyển sách Tây Tạng về cái Chết* [6] nêu lên quá trình diễn tiến của cái chết qua một số dấu hiệu bên ngoài (*trên thân xác*), bên trong (*thuộc tâm thức*) và cả các dấu hiệu sâu kín hơn nữa (*các thể dạng tinh tế của tri thức và các sự vận chuyển của khí lực*), liên quan đến sự hòa tan của các năng lượng nâng đỡ tri thức, hoặc làm cho tri thức tan biến (*khi cái chết xảy ra*). Nhiều thể dạng cảm nhận cũng như các sự nhận thức liên quan đến các thể dạng trung gian *bardo* trong lúc quá trình của cái chết đang diễn tiến (*nêu lên trong Quyển sách Tây Tạng về cái chết*) khá tương đồng với các câu chuyện do những người từng trải qua giai đoạn cận tử E.M.I thuật lại, chẳng hạn như cảm giác bị hút sâu vào một đường hầm chan hòa ánh sáng, v.v., các cảm nhận này có thể xem như trùng hợp với "thành phần gió (*khí, hơi thở...*) bị hòa tan" nêu lên trong giai đoạn trung gian *bardo* khi quá trình của cái chết đang diễn tiến, bởi vì trong giai đoạn này sẽ hiện lên một sự cảm nhận trong suốt, rạng rỡ và sáng ngời, và đó cũng là các cảm nhận đầu tiên trong số các cảm nhận về ánh sáng trong lúc chết

(có nhiều thứ cảm nhận về các thể loại ánh sáng khác nhau, cảm nhận đầu tiên trên đây vẫn còn ở giai đoạn cận tử và người chết"trong giai đoạn này vẫn còn có thể hồi tỉnh"lại. Sự hồi tỉnh"này từng xảy ra với một số người và các cảm nhận do họ thuật lại khá giống nhau).

Qua góc nhìn của Phật giáo, các cảm nhận trên đây rất gần với bản chất [nguyên sinh] của tâm thức, gọi là "ánh sáng trong suốt" (claire lumière/clear lights). Các sự "nhận biết trong sáng" đó (*trong nguyên bản là chữ aperception, thể nhưng chữ ă"lại viết rời ra khỏi chữ perception" (a-perception)*). Tiền ngữ ă" trong các ngôn ngữ Tây Phương mang ý nghĩa phủ định, do đó cách viết trên đây của Lạt-ma Denys rất có thể là để nói lên một sự cảm nhận (aperception) nhưng cũng vừa là một sự phi-cảm-nhận (a-perception). Phi-cảm-nhận là một thể dạng nhận thức vượt lên trên khái niệm, do đó rất trong sáng" không bị vướng mắc vào các sự hiểu biết thông thường và quy ước. Chữ aperception dịch sang tiếng Anh là apperception, do đó nếu viết theo cách của Lạt-ma Denys thì chữ apperception có thể viết là ap/apo-perception) mang tính cách rạng ngời và phúc hạnh. Sự tan rã của tri thức cá nhân, tức cá tính (individuality) của một cá thể, cũng tương tự như là tháo gỡ một tấm màn che làm lộ ra bản chất tự tại, rạng ngời và phúc hạnh của tâm thức (*dưới góc nhìn này thì không có gì đáng để phải sợ hãi và khiếp đảm khi cái chết xảy ra. Kinh hoàng và sợ hãi là do mình tự tạo ra cho mình trong lúc hấp hối, chẳng qua vì trước cái chết mình quá bám víu vào sự sống, nhất là thương tiếc những gì mà mình phải bỏ lại phía sau*).

Các thể loại cảm nhận trên đây có cùng một mẫu số chung: đó là tính cách xuyên văn hóa (*transcultural*) của chúng (*có nghĩa là các cảm nhận xảy ra trong quá trình của cái chết không bị ảnh hưởng gì bởi truyền thống văn hóa, giáo dục và màu sắc"địa phương, và do đó đều giống nhau giữa tất cả mọi người*) bởi vì chúng trực tiếp phát sinh từ bản chất [gần như nguyên sinh] của tâm thức, và cũng có nghĩa là từ cấu trúc [sâu kín] của tri thức, kể cả các dạng thể hòa tan (*liên quan đến các cấp bậc suy thoái của lục giác, trước khi chúng hoàn toàn tan biến và mất hết khả năng*). Thật hết sức rõ

ràng các cảm nhận này không liên hệ gì đến tín ngưỡng cũng như truyền thống văn hóa của mỗi cá thể (*có nghĩa là đối với một người Á Châu hay một người Tây Phương, một người bình dị hay là có trình độ học vấn cao, hoặc là nam giới hay nữ giới, là một đứa bé hay một người trọng tuổi, thì các cảm nhận của họ trong lúc chết đều giống như nhau*). Tuy nhiên cũng thật đáng lưu ý là hầu hết các câu chuyện do những người từng trải qua giai đoạn cận tử thuật lại đều đã bị khái niệm hóa bởi "vốn liếng" (background) văn hóa và tín ngưỡng có sẵn của họ. Chính vì thế nên các kinh nghiệm cảm nhận này, dù chỉ là quá trình tự nhiên [của cái chết], nhưng đã bị choàng lên thêm các sự diễn đạt xuyên qua một mạng lưới khái niệm và phóng tưởng, liên quan đến văn hóa và tín ngưỡng của mỗi người (*các câu chuyện cận tử khó tránh khỏi sự chủ quan, điều này cũng dễ hiểu bởi vì cận tử" chỉ là giai đoạn mới khởi đầu của quá trình cái chết, sự vận hành của nghiệp có thể bắt thân làm cho quá trình này đổi hướng, hoặc vận hành khác hơn khiến người cận tử" có thể hồi sinh" trở lại. Trong giai đoạn này, dù những người cận tử" được xem như đã chết theo tiêu chuẩn y khoa, nhưng các khả năng tâm thức và ngũ giác của họ chỉ mới bắt đầu tan biến, năng lượng chưa bị hòa tan" hết, do đó họ còn tiếp tục cảm nhận, và các cảm nhận này vẫn còn chịu ảnh hưởng từ các sự hiểu biết quy ước mang tính cách khái niệm có sẵn từ trước của họ*).

Các điểm trùng hợp [giữa các câu chuyện cận tử trên đây] từng làm chủ đề cho một số luận án Y khoa, có một khảo luận tóm lược các các luận án này có thể giúp quý vị nào muốn tìm hiểu thêm [7].

Các lời khuyên theo truyền thống trong khi tiếp cận với cái chết

Trong khi cái chết xảy ra, ngoài các cảm nhận xảy ra trong lúc hấp hối (*tức chưa chết hẳn*) như đã được mô tả trên đây và các sự đau đớn trên thân xác do bệnh tật gây ra, người hấp hối còn phải đối đầu với đủ mọi thứ ảo tưởng (*fantasies/tưởng tượng, ảo ảnh, ảo giác*). Người này cảm thấy các nỗi niềm cay đắng của cuộc sống nói chung cũng như trong kiếp người của mình nói riêng, vụt hiện lên trở lại. Trước đây các nỗi khổ đau này thường bị che lấp bởi các mối quan tâm trong cuộc sống thường nhật, thế

nhưng trong lúc hấp hối, dù thân xác yếu đuối nhưng tâm thức vẫn mạnh, các ảo tưởng (*fantasies/các sự bám víu, tức giận, tiếc nuối, hối hận, đau buồn, hy vọng, v.v.*) theo đó cũng trở nên gay gắt hơn.

Điều căn bản và chủ yếu nhất (*trong nguyên bản là chữ leitmotiv*) được nhắc đi nhắc lại trong *Quyển sách Tây Tạng về cái chết* là: **Hãy xem tất cả những gì hiện lên với mình chỉ là các phóng tưởng của tâm thức mình, hãy nhận diện chúng chỉ toàn là ảo giác, tương tự như một giấc mơ** (*xin mạn phép tô đậm câu này, vì đây cũng là chủ đích/leitmotiv của toàn bộ Quyển sách Tây Tạng về cái chết*).

Thật vậy, nếu biết chấp nhận những gì mà mình trông thấy trong một giấc chiêm bao - dù là những điều đáng sợ mà tiếc nuối đi nữa - cũng chỉ là ảo mộng (onérique/oneiric), hoặc chấp nhận những gì hiện lên với mình trong lúc hấp hối và cả trong giai đoạn trung gian *bardo* cũng toàn là các thứ phóng tưởng tâm thần, thì đây chính là cách tự che chở mình trước tình trạng điên loạn, sợ hãi và khổ đau do chúng gây ra.

Nhận biết được bản chất không thật của các ảo tưởng (fantasies) ấy chính là cách giúp mình phát huy một thái độ chấp nhận, buông bỏ với tất cả sự nhẹ nhàng, và đây cũng là cách giúp mình thoát ra khỏi chúng (*bất cứ một sự bám víu nào trong lúc hấp hối cũng sẽ khiến mình quay lại với thế giới hiện tượng này. Hãy buông bỏ tất cả, từ oán hận đến cả thương yêu, tất cả những gì chung quanh và cả thế giới. Hãy ra đi với hai tay không, nhẹ nhàng và thư thái*).

Đối với con người ngày nay đã đánh mất các truyền thống lâu đời của mình, thì thật hết sức quan trọng là phải gọi lên với họ một mô hình giáo dục nhân bản hơn, nhưng không nhất thiết là phải dựa vào các ý niệm tín ngưỡng, mà chỉ cần nêu lên với họ một sự ý thức cốt lõi hơn về những gì thiết thực và quan trọng nhất trong cuộc sống nói chung, trong đó kể cả cái chết.

Kết luận: hướng đến một cái chết an bình, bảo toàn được nhân phẩm và sự sáng suốt

Chấp nhận cái chết và hòa nhập nó vào sự sống chính là cách mang lại cho mình một cuộc sống ý nghĩa hơn trong hiện tại. Nếu biết chuẩn bị [cái chết] một cách đúng đắn phù hợp với hoàn cảnh của mình hầu tạo ra cho mình một thái độ êm thấm và sáng suốt, thì cái chết cũng chỉ là một sự kết thúc tự nhiên của sự sống và cũng sẽ trở thành một dịp lễ hội cuối cùng mà mình được thừa hưởng với tất cả sự thanh thản, trong sáng, bảo toàn được nhân phẩm, tương tự như được hòa nhập vào một khung cảnh thiêng liêng.

Sự chăm lo của những người chung quanh tất nhiên là quan trọng, thế nhưng đây cũng chỉ là giữa tình người với nhau, bởi vì ngoài những thứ ấy ra còn một chiều sâu khác nữa thật hết sức thiêng liêng (*chiều sâu đó chỉ có mình mới tạo được cho mình từ bên trong chính mình mà thôi*).

Chú thích của tác giả

[1] Trong chữ *bardo*, tiền ngữ *bar* "có nghĩa là ở giữa" và hậu ngữ *do* "có nghĩa là hai", chữ *bardo* do đó có nghĩa là *thời thứ gì ở giữa hai thứ khác*. Điều này cho thấy tâm thức chúng ta - tức là những gì đang là chính mình - cũng chỉ là một sự chuyển tiếp liên tục. Tâm thức không phải là một thực thể cố định mà là một quá trình năng động, liên tục biến đổi. Dưới góc nhìn đó, qua từng khoảnh khắc một chúng ta luôn ở trong tình trạng "trung gian" và đang chuẩn bị để "chuyển sang" một thể dạng khác.

[2] Quá trình hoán chuyển mang tính cách chu kỳ này, theo truyền thống được biểu trưng bởi một biểu đồ gọi là "Bánh xe của sự sống", nêu lên các thành phần cấu tạo ra tri thức với các đặc tính của cái ngã cùng với các giai đoạn chuyển đổi của nó, tương quan với các thể dạng hiện hữu khác nhau.

Bánh xe của sự sống (a: xem trang 15)

Biểu đồ này bắt nguồn từ thời kỳ Đức Phật còn tại thế, nhằm giải thích về "12 mối dây trói buộc" (thập nhị nhân duyên). Vào thời bấy giờ chưa có chữ viết trong thung lũng sông Hằng, các hình ảnh tượng trưng trong biểu đồ có thể

giúp bất cứ ai cũng có thể hiểu được, (biểu đồ trên đây và các lời giải thích này là do người chuyển ngữ thêm vào)

[3] Giáo lý Phật giáo không dựa vào khái niệm về linh hồn với tư cách là một thực thể hàm chứa một sự hiện hữu vững chắc, trường tồn và bất diệt. Qua góc nhìn của nguyên lý tương liên và hiện tượng vô thường, linh hồn dưới hình thức một thực thể toàn vẹn (*integrate, nhất thể, đồng nhất, độc lập*) chỉ là một ảo giác: các cảm tính hay cảm nhận liên quan đến sự trường tồn làm nền tảng cho khái niệm linh hồn đó thật ra cũng chỉ là "cái ngã", có nghĩa là "cái tôi" mang tính cách cá nhân.

[4] R. Moody, *La vie après la vie (Sự sống phía sau sự sống)*, Robert Laffon, Paris, 1977. Và quyển *Lumières nouvelle sur la vie après la vie (Các khám phá mới về sự sống phía sau sự sống)*, Robert Laffon, Paris, 1978 (*hai quyển sách này đã được dịch sang nhiều thứ tiếng*).

[5] L/ Stevenson, *Twenty cases suggestive of reincarnation (Hai mươi trường hợp cho thấy có có sự tái sinh)*, 2nd Ed. Rev. and enlarged (*tái bản lần thứ hai, sửa chữa và khai triển thêm*). University Press of Virginia. Charlottesville. U.S.A. 1974.

[6] *Bardo Thodrol (Quyển sách Tây Tạng về cái chết)*, traduction par F. Fremantle et Chögyam Trungpa Rinpoché (*bản dịch của F. Fremantle và Chögyam Trungpa Rinpoché*), Courrier du Livre, Paris, 1980 (*có nhiều bản dịch khác nhau của quyển sách này sang các ngôn ngữ Tây Phương, trong số này bản dịch trực tiếp từ tiếng Tây Tạng sang tiếng Pháp của Philippe Cornu là đầy đủ và được giải thích rõ ràng nhất, gồm 1054 trang trong ấn bản pocket, Meta-Editions, 2009; 780 trang với khổ lớn. Bản dịch này được trích từ luận án tiến sĩ triết học của ông*).

[7] - Elizabeth Schnetzler et Frédéric Schmitt, *Expériences de l'imminence de la mort (Các kinh nghiệm cận tử)*, Thèse présentée à l'Université scientifique de Grenoble (*Luận án trình bày tại Đại học Khoa học tỉnh Grenoble*), 1983.

- Pierre Dayot, *Expériences de l'imminence de la mort - Approche traditionnelle (Các kinh nghiệm cận tử - qua góc nhìn của các truyền thống tín ngưỡng)*

Thèse présentée à l'Université scientifique de Grenoble (*Luận án trình bày tại Đại học Khoa học tỉnh Grenoble*), 1984.

- Résumé des deux thèses: in Jean-Pierre Schnetzler et Isabeth Eysserie, *Le voyage dans l'au-delà et les expériences de la mort imminente* (E.M.I) "Itinéraires Imaginaire" (*Tham luận tóm lược hai luận án trên đây, mang tựa Cuộc hành trình trong thế giới bên kia và các kinh nghiệm cận tử của hai tác giả Jean-Pierre Schnetzler và Isabeth Eysserie, đăng trong tập san Itinéraires Imaginaires/Những cuộc hành trình giả tưởng*), ELLG (Editions des Langues et des Lettres de Grenoble), 1986.

Vài lời ghi chú của người chuyên ngữ

Phàm những gì mà mình không hiểu đều có thể khiến mình sợ hãi, chẳng hạn như sợ ma. Khi nào hiểu được ma chỉ là các phóng tượng tâm thần của chính mình thì mình sẽ hết hoặc "bớt" sợ hơn. Bước vào một gian nhà lạ, tối om, không biết chỗ bật đèn ở đâu, tất nhiên mình cũng cảm thấy sợ, tìm được chỗ bật đèn thì mình sẽ vững tâm và "bớt" sợ hơn

Cũng vậy cái chết và những gì phía sau nó là cả một sự bí mật to lớn mà con người đành phải bó tay. Ngoài các việc cầu xin và lễ bái, Y khoa là phương tiện cụ thể và tương đối hiệu quả hơn cả có thể giúp con người tạm thời đương đầu với cái chết. Thế nhưng khi đã hết thuốc chữa thì Y khoa cũng phải chịu thua, bác sĩ ký giấy chứng nhận để làm thủ tục khai tử. Sau đó là bốn phận của những người tu hành, nếu thân nhân muốn biết người quá cố có được siêu thoát hay không và đi về đâu thì cứ hỏi họ. Nếu là một nhà sư Tịnh Độ thì sẽ trả lời rằng người quá cố đi về hướng Tây, nếu là giáo sĩ của một tín ngưỡng Độc Thần thì sẽ trả lời rằng linh hồn người chết lên Trời. Tuy trả lời như thế nhưng đôi khi chính những người tu hành cũng không thể quả quyết là có đúng thật như thế hay không, bởi vì họ chỉ làm tròn bốn phận của mình do tôn giáo của mình chỉ dạy và giao phó. Chỉ vì không ai hiểu được những gì xảy ra sau cái chết nên tất cả mọi người đều sợ hãi, đôi khi kể cả những người tu hành. Bài giảng ngắn trên đây của Lạt-ma Denys là nhắm vào chủ đích giúp chúng ta "bớt" sợ.

Tất cả các vị sáng lập tôn giáo đều lớn lên nhờ dòng sữa mẹ và thức ăn do con người làm ra. Từ thuở ấu thơ cho đến lúc khôn lớn họ được hưởng sự giáo dục của cha mẹ và con người, nhưng sau đó thì lại tự xem mình khác với con người, giữ những vị thế cao hơn con người, nhận lãnh những sứ mạng thiêng liêng. Thế nhưng sau khi chết thì tuyệt nhiên không thấy một vị nào quay về với con người trên địa cầu này - dù chỉ là một lần - để chứng minh với họ những điều mà mình từng thuyết giảng cho họ trước đây, hay ít ra cũng để thuật lại với họ những gì chính mình trông thấy tận mắt trong các cõi mà mình từng hứa hẹn với họ khi mình còn là con người, cùng sống chung với con người trên hành tinh này.

Thật vậy hầu hết những điều mà các vị sáng lập tôn giáo thuyết giảng cũng chỉ là những lời khuyên dụ, dọa nạt và hứa hẹn, nói cách khác thì đây cũng chỉ là các phóng tượng tâm thần rất con người để nói lên với con người, có nghĩa là những gì liên quan đến sự bám víu của con người vào sự sống thế thôi. Nay thì các vị ấy an nhiên trong các cõi hạnh phúc ở những nơi thật xa với hành tinh này, vì thế thiết nghĩ tốt hơn hết con người nên lo cho con người, thương yêu nhau và đùm bọc lấy nhau, bởi vì chiến tranh tôn giáo mà các vị ấy để lại cho con người thật hết sức khủng khiếp!

Bài giảng của Lạt-ma Denys trên đây nêu lên một tầm nhìn rất thực tế và vô cùng giản dị, không khuyên chúng ta trực chỉ hướng Tây, cũng không tìm đường lên Trời, mà chỉ đơn giản nhìn thẳng vào cái chết để tìm hiểu nó, bởi vì khi đã hiểu được nó thì mình sẽ không còn sợ hãi nó nữa.

Thế nhưng tìm hiểu nó thì lại là cách tìm hiểu chính mình, bởi vì cái chết là của mình, ẩn nấp và chờ đợi mình từ bên trong chính mình. Khi nhìn thật sâu vào chính mình và hiểu được mình là gì thì mình cũng sẽ hiểu được những gì sẽ chết: đó là "cái tôi" hay "cái ngã" và các thứ cấu hợp mà nó ẩn nấp phía sau để điều khiển mình. Khi nào "cái tôi" hay "cái ngã" ấy chết thì sẽ không còn một "chủ nhân ông" nào mượn tay các thứ cấu hợp để chỉ huy và sai khiến mình, các thứ cấu hợp tạo ra thân xác mình cũng sẽ không còn đủ sức để mê hoặc mình nữa, và vào một

ngày đẹp trời nào đó chúng cũng sẽ đi theo cái tôi của chúng trước đây.

Khi nào ý thức được điều đó thật sâu xa tức là phải làm thế nào để "cái tôi" phải chết, thì khi đó mình mới có thể sống thanh thản và yên vui trong hiện tại được. Khi "cái tôi" bên trong chính mình đã chết và các thứ "câu hợp" chuyên tải nó cũng sẽ ra đi một ngày nào đó khi chúng muốn, thì sẽ không còn một "chủ nhân ông" nào sai khiến mình, không còn một thứ gì khác có thể khiến mình phải bận tâm, lo lắng và sợ hãi, cũng không còn một thứ ảo giác nào có thể lừa phỉnh mình nữa. Đạt được sự hiểu biết đó cũng chẳng khác gì như hiểu được ma là gì hay tìm thấy chỗ bật đèn trong một gian nhà tối.

Thế nhưng thông thường thì người ta lại không chọn cách tiếp cận trên đây mà chỉ bám víu vào thân xác mình cùng các thứ ảo giác và lừa phỉnh hiện lên bên trong tâm thức mình và tìm mọi cách để bảo vệ chúng, để rồi một lúc nào đó bất chợt chạm trán với một bức tường kín mít hiện ra sừng sững trước mặt mình. Đó là bức tường thật kiên cố của cái chết mà tất cả mọi người đều mong muốn vượt qua, thế nhưng suốt trên dòng lịch sử nhân loại chưa có một người nào thành công, kể cả các vị sáng lập tôn giáo. Lối thoát duy nhất là viễn ảnh của thiên đường hay cõi cực lạc mà con người tạo dựng ra để che bớt

Người ta nghĩ rằng thiên đường ở trên đầu tường, nếu muốn trèo lên thì phải bắc thang, thế nhưng thay vì giữ thang cho chặt để thay nhau trèo thì lại nhìn trước, ngó sau..., xô thang của nhau, khiến gây ra hận thù và ấu đả suốt hàng ngàn năm nay từ các thời kỳ thời Trung cổ, và dường như ngày nay vẫn chưa có một dấu hiệu nào cho thấy một sự dần xẹp ổn thỏa. Cõi cực lạc trái lại không ở trên đầu tường mà ở vào hướng Tây, thế nhưng khi giáp mặt với bức tường thì lại không biết hướng Tây ở vào phía tay phải hay tay trái, do đó chỉ biết tụng niệm để chờ người khác đến "tiếp dẫn" mình. Cũng lạ, không có một tôn giáo nào đề nghị đào hầm chui qua phía bên kia bức tường, có thể là vì các vị sáng lập tôn giáo nghĩ rằng bên trong đường hầm thì tối đen, nóng bức và nhất là rất "nguy hiểm". Thật hết sức rõ ràng tất cả những gì trên đây chỉ là các phóng tưởng tâm thần, phản ảnh từ sự sợ hãi và các ước

mơ rất "thật thà" và "dễ thương" của con người mà thôi.

Giáo Huấn của Đức Phật không phải là một tôn giáo, chính chúng ta đã mượn Giáo Huấn của Ngài để sáng chế ra tôn giáo. Ngài chỉ là một con người vạch ra một hướng đi giúp con người loại bỏ khổ đau của mình, từ các thứ khổ đau lộ liễu do vô thường gây ra cho đến các thứ khổ đau thật sâu kín ẩn chứa bên trong tâm thức mình. Vậy nếu loại bỏ tất cả các màu mè tôn giáo và các hình thức tín ngưỡng ra thì cốt lõi của Giáo Huấn Phật giáo là gì?

Kinh *Cula-Malunkya Sutta* (Bài kinh về về các câu hỏi vô ích của Malunkya, Trung Bộ Kinh, MN 63) [8] là một bài kinh rất quan trọng, nêu lên quan điểm của Đức Phật về các vấn đề triết học siêu hình. Đức Phật thuyết giảng bài kinh này khi Ngài đang tạm trú tại tịnh xá của vị Anathapindika/Cấp Cô Độc trong khu vườn Jatavana/Kỳ Viên, gần thị trấn Savatthi/Xá Vệ. Lúc đó có một đệ tử hay thắc mắc về đủ mọi thứ đã tìm đến Đức Phật để bày tỏ cả một lô các thắc mắc của mình, chẳng hạn như:

- Vũ trụ có trường-tồn bất-diệt hay không?

- Vũ trụ không trường-tồn bất-diệt?

- Vũ trụ đồng thời vừa trường-tồn bất-diệt, vừa không trường-tồn-bất-diệt?

- Vũ trụ không-trường-tồn-bất-diệt nhưng cũng không phải là không-trường-tồn-bất-diệt?"

- Con người (être/being/sinh linh) có-hiện-hữu sau khi chết hay không?

- Con người không-hiện-hữu sau khi chết?

- Con người vừa hiện-hữu nhưng cũng không-hiện-hữu sau khi chết?

- Con người không-hiện-hữu nhưng cũng không-phải-là-không-hiện-hữu sau khi chết?"

Chữ con người hay sinh linh trong các câu trên đây được dịch từ chữ *tathagata* trong bản kinh gốc bằng tiếng Pa-li, kinh sách Hán ngữ gọi là *Như Lai*. Chữ *tathagata* có nghĩa "chỉ là như thế", "đến đây là như thế" (suchness/ainsité), Đức Phật thường tự xưng mình là *Như Lai* với ý nghĩa đó, tức chỉ là *thật con người đơn giản là như thế, không từ đâu đến và cũng sẽ chẳng đi về đâu cả*," Ngài chỉ là một con

người như tất cả mọi con người khác, khiêm tốn và giản dị. Trong trường hợp của bài kinh *Cula Malunkya Sutta* trên đây thì chữ *tathagata* mang ý nghĩa bao quát hơn là một "sinh linh" hay "con người" nói chung.

Trước các câu hỏi trên đây của người đệ tử Malunkyaputta, Đức Phật chỉ giữ sự yên lặng. Các câu hỏi đó đối với Ngài là vô ích và đặt sai: vô ích vì không giúp được gì cho con người trước những khổ đau đang đầy đọa họ; đặt sai vì chỉ là các cạm bẫy của sự hiểu biết nhị nguyên và quy ước, phản ánh từ các sợ hãi sâu kín của con người mà thôi. Một câu hỏi đặt sai sẽ tạo ra các thắc mắc khác, và sau đó là các cuộc tranh cãi bất tận, có thể đưa đến các hậu quả khôn lường. Một sự cố chấp đưa đến ầu đả, một sự bám víu ngây thơ đưa đến những sự ước mơ thật thà: chẳng hạn như tin rằng phương Tây có cõi cực lạc và trên trời có cõi thiên đường.

Sở dĩ Đức Phật không khẳng định về sự hiện hữu hay không hiện hữu của con người sau khi chết, ấy là để bảo vệ con người mà thôi. Chẳng phải chỉ vì tin vào các điều viển vông đó mà ngày nay con người vẫn còn tiếp tục ầu đả nhau hay sao? Phía sau sự yên lặng của Đức Phật dường như che dấu một sự quán thấy thật xa.

Sự yên lặng đó của Đức Phật là cách không những tránh cho người đệ tử của mình mà cho cả chúng ta hôm nay, không rơi vào cạm bẫy của các sự biện luận và tranh cãi, phản ánh sự thúc dục của các thứ bám víu sâu kín và dai dẳng của bản năng. Sự yên lặng đó không có nghĩa là một sự ngăn cấm độc đoán, cũng không phải là một cách lấp liếm những gì mà mình không hiểu, mà đúng hơn là chỉ vì khả năng hiểu biết hạn hẹp còn vướng mắc bởi khái niệm và quy ước của con người. Giáo Huấn của Đức Phật là phi-tín-ngưỡng, thế nhưng con người thì lại cứ khẳng khẳng khoác lên Giáo Huấn của Ngài chiếc áo của tôn giáo. Vậy bên trong chiếc áo khoác đó, Giáo Huấn của Đức Phật là gì?

Bài kinh nêu lên các thắc mắc của người đệ tử Malunkyaputta dưới bốn hình thức đối nghịch: "có", "không", "vừa có cũng vừa không", "không hẳn là có nhưng cũng không phải là không có", đưa chúng

ta vào một tình trạng bất định hướng của sự lý luận, không có một hệ thống quy chiếu hay lô-gic nào hầu có thể dựa vào đó để suy luận. Sự bất định hướng đó phản ảnh thể dạng Trống Không của sự hiểu biết quy ước dựa vào khái niệm, và đây cũng chính là nền tảng của học thuyết Trung Đạo do Long Thụ nêu lên bảy thế kỷ sau đó, tức là vào thế kỷ thứ II sau Tây lịch. Trung Đạo có nghĩa là không phải có cũng không phải không, không phải bên này cũng không phải bên kia, không vướng mắc vào một sự khẳng định nào cả. Vị thế "ở giữa" và "không vướng mắc" đó cũng chính là Tánh Không hay sự Trống Không của mọi hiện tượng, một vị thế "đứng ra bên ngoài" tất cả mọi hiện tượng. Tánh Không hay sự Trống không đó không có nghĩa là một sự trống rỗng, một hình thức phủ nhận hay khước từ sự hiểu biết, mà đúng hơn là một thể dạng đầy ấp, tinh khiết và trọn vẹn của sự hiểu biết đích thật. Sự hiểu biết đó vượt lên trên các khái niệm nhị nguyên, phiến diện và đối nghịch. Qua học thuyết Trung Đạo trên đây, lần đầu tiên người ta đã khoác lên cho Giáo Huấn của Đức Phật một chiếc áo rộng "thùng thình" của triết học siêu hình (metaphysic), trước khi nhuộm thêm các màu sắc sỡ khác để biến nó trở thành chiếc áo của Đại Thừa.

Sáu thế kỷ sau đó tức là vào thế kỷ thứ VIII, *Quyển sách Tây Tạng về cái chết* do đại sư Padmasambhava trước tác đã "chọc thủng" bức tường ngăn cách giữa sự sống và cái chết. Phật giáo Tây Tạng nói chung nhờ vào các phép thiền định đã "thâm nhập" vào quá trình của một cái chết giả tạo (simulation) và cả sau đó là quá trình của sự hình thành hay tái sinh. Ngày nay các khoa học gia thuộc các ngành Tâm lý học và Y khoa cũng đang phân tích và tìm hiểu các cảm nhận xảy ra trong lúc cận tử. Nếu Lạt-ma Denys cho rằng các câu chuyện cận tử này đều bị ảnh hưởng bởi vốn liếng văn hóa và tín ngưỡng của người cận tử, thì những gì nêu lên trong *Quyển Sách Tây Tạng về cái chết* cũng vậy, cũng có thể đã bị ảnh hưởng ít nhiều bởi các kinh nghiệm riêng của chính người hành thiền hay chăng?

Trong giai đoạn cận tử người chết chỉ mới "hấp hối" tức chưa "chết hẳn" do đó tâm thức và các giác quan của người này tuy đã suy giảm nhưng vẫn còn hoạt

động, nhờ đó tâm thức vẫn còn tiếp tục ghi nhận các ảo giác và các phóng tưởng tâm thần để thuật lại sau khi "hồi tỉnh". Chẳng hạn như trường hợp một người ngủ chập chờn hay nửa thức nửa ngủ, tâm thức và các cơ quan cảm giác vẫn tiếp tục hoạt động, dù chỉ ở một cấp bậc nào đó, vì thế khi thức giấc người này vẫn nhớ lại được những gì hiện lên trong khi ngủ, thậm chí đôi khi còn có cảm giác dường như những thứ ấy là thật. Trái lại, trong một giấc ngủ thật sâu, tâm thức và các giác quan đều lắng vào trong tình trạng nghỉ ngơi, vì thế dù các ảo giác phát sinh từ nghiệp tồn lưu trên dòng tri thức vẫn tiếp tục hiện lên, nhưng tâm thức không ghi nhận được chúng, do đó dù nằm mơ "thấy" rất nhiều chuyện nhưng khi thức giấc thì không nhớ gì cả, hoặc chỉ nhớ thoáng thoáng một vài chuyện thể thôi. Ngoại trừ trường hợp "trông thấy" những cảnh tượng kinh khiếp hay "ác mộng", thì các cảnh tượng này sẽ có thể "đánh thức" đột ngột các cơ quan cảm giác của người ngủ mê, khiến người này hoảng sợ và thức giấc.

Tóm lại quá trình lắng sâu vào giấc ngủ say và quá trình thức giấc cũng khá tương tự với quá trình của cái chết và quá trình của sự tái sinh, sự khác biệt căn bản nhất là giữa quá trình của cái chết và của sự tái sinh là một khoảng trống *bardo* hoàn toàn "im bật", bởi vì trong giai đoạn này tâm thức và năng lượng của ngũ giác đã hoàn toàn tan biến hết không còn khả năng ghi nhận bất cứ những gì xảy ra. Sự khác biệt thứ hai là quá trình lắng sâu vào giấc ngủ và quá trình thức giấc xảy ra quá nhanh, không tuân tự như các quá trình của cái chết và sự tái sinh, do đó chúng ta có cảm giác là các quá trình này xảy ra đột ngột, thế nhưng thật ra khá phức tạp, dường như chỉ có các nhà sư Tây Tạng cao thâm mới có thể phân tích và nhận biết được các thể dạng *bardo* trong lúc lắng vào giấc ngủ và trong khi tỉnh giấc, các thể dạng này dường như cũng tương tự như các thể dạng hiện lên trong các quá trình của cái chết và sự tái sinh. Một cách tổng quát, quá trình của cái chết hay của giấc ngủ cũng vậy, gồm hai giai đoạn: trước hết là giai đoạn "hoà tan" hay "tan biến" của các khả năng cảm giác (ngũ giác và tâm thần), tiếp theo sau đó là giai đoạn của sự hình thành hay là sự tỉnh giấc. Đối với trường hợp của cái chết thì trong giai đoạn thứ nhất, sau khi các khả năng của các cơ quan

cảm giác tan biến hết thì sẽ không còn bất cứ một sự cảm nhận nào có thể xảy ra được, chỉ có dòng tri thức mang các vết hằn của nghiệp là tiếp tục luân lưu. Khi dòng tri thức này và các vết hằn của nghiệp mà nó chuyển tải gặp được các điều kiện thích nghi và phù hợp, chẳng hạn như sự kết hợp giữa một tinh trùng và một noãn cầu, thì một sự tương kết có thể xảy ra đưa đến sự hình thành của một bào thai, đánh dấu giai đoạn thứ hai là sự tái sinh. Đối với giấc ngủ thì giản dị hơn, các cơ quan cảm giác và tâm thức chỉ tạm thời lắng xuống và nghỉ ngơi.

Sau một giấc ngủ say tâm thức hoạt động trở lại và chúng ta có thể nhớ lại được những gì từ trước. Trái lại trong quá trình của cái chết, trong giai đoạn bắt đầu từ lúc tâm thức và các cơ quan cảm giác đã hoàn toàn tan biến đến lúc não bộ và các giác quan của bào thai được hình thành và bắt đầu hoạt động, là một "khoảng trống", không có một sự cảm nhận nào được ghi nhận, "Khoảng trống" này đánh dấu một sự "đứt đoạn" hay "im bật" giữa hai chu kỳ của sự sống. Trong một vài trường hợp thật hiếm hoi, một số người có thể nhớ lại một vài sự kiện trong kiếp sống trước của mình. Sự nhớ lại này có thể đã được dựa vào các vết hằn của nghiệp do dòng tri thức chuyển tải, nhưng dường như chưa có ai ghi nhận được những gì xảy ra trong giai đoạn "trông không" và "im bật" giữa hai giai đoạn "tan biến" và "hình thành" của quá trình của cái chết, bởi vì lục giác đã hoàn toàn tan biến hết trong giai đoạn này, ngoại trừ trường hợp các nhà sư Tây Tạng thật cao thâm mượn phép thiên định về cái chết mới có thể cảm nhận được những gì xảy ra trong giai đoạn này.

Dầu sao những điều trình bày trên đây, dù được dựa vào một số hiểu biết trong Phật giáo Tây Tạng, cũng chỉ là giả thuyết với mục đích duy nhất là giúp một số người thường hay quá thắc mắc về cái chết của mình có thể đã khiến mình quên đi một điều quan trọng hơn rất nhiều là phải sống trọn vẹn và xứng đáng hơn kiếp nhân sinh này của mình. Lạt-ma Denys qua bài giảng trên đây cũng chỉ nhằm vào mục đích đó. Trở lại với bài kinh *Cula-Malunkya Sutta* thì Đức Phật đã nêu lên quan điểm của mình như thế nào?

Malunkyaputta yêu cầu Đức Phật chỉ cần trả lời các câu hỏi của mình là "có" hay là "không" là cũng đủ,

nếu không thì mình sẽ quay lại cuộc sống thế tục, không tu tập theo Đức Phật nữa. Vậy trước những lời van nài, thách đố và mặc cả đố, Đức Phật đã trả lời người đệ tử của mình như thế nào?

Này Malunkyaputta, mặc dù có một quan điểm theo đó con người hiện hữu sau khi chết và có một quan điểm [khác] theo đó con người không hiện hữu sau khi chết [...], thế nhưng trước nhất phải hiểu rằng có sinh, có già, có chết, có khổ đau, có than khóc, có đờn đau, xót xa và tuyệt vọng. [Đối với] Ta, Ta [chỉ] giảng về sự chấm dứt những thứ ấy trong thế giới này, trong chính sự sống này. Vì thế, này Malunkuyaputta, hãy giữ lấy trong tâm những gì Ta giảng, đúng như Ta đã giảng, và những gì Ta không giảng, đúng như Ta không giảng..."

Trên đây là quan điểm của Đức Phật: những gì cấp bách nhất là phải giải quyết các khổ đau của mình **ngay trong kiếp sống này, trong thế giới này**, bởi vì khổ đau này sẽ đưa đến đến khổ đau khác, tạo ra một sự xoay vần bất tận. Khi nào cắt đứt được sự lôi kéo và xoay vần đó thì tất chúng ta sẽ hiểu được những gì phía bên kia cái chết. Ngoài ra Đức Phật cũng dặn dò người đệ tử rất hay thắc mắc của mình là **Chỉ nên giữ trong tâm những gì Ngài giảng, đúng như Ngài đã giảng, và những gì Ngài không giảng, đúng như Ngài không giảng!** Thật vậy, có nhiều điều mà Đức Phật không giảng cho Malunkyataputta bởi vì những thứ ấy cũng chỉ là các cạm bẫy đánh lừa người đệ tử của mình vẫn còn vướng mắc trong các sự hiểu biết thô thiển, mang nặng tính cách quy ước và khái niệm mà thôi. Nhìn vào thế giới ngày nay thì chúng ta sẽ hiểu ngay tại sao các sự hiểu biết ngây thơ, nông cạn và thật thà lại có thể gây ra gây ra những cảnh bạo lực thật kinh hoàng.

Thật ra sự sống và cái chết kể cả niết-bàn đều ở phía bên này bức tường. Thế giới hiện tượng chỉ là một, không có bức tường ngăn cách nào trong thế giới đó cả. Mọi hiện tượng đều chuyển động xuyên qua không gian và thời gian, các sự phân chia và ngăn cách chỉ là các khái niệm, các phóng tưởng tâm thần. Trong thế giới hiện tượng chỉ có hiện tượng, toàn là hiện tượng. các hiện tượng có thể hữu hình hay vô hình, tất cả đều tùy thuộc vào khả năng cảm nhận của con người và của mỗi cá thể. Đối với năm

thứ cấu hợp tạo ra con người của chính mình cũng vậy, trong số này chỉ có một thứ cấu hợp là hữu hình tức là thân xác, bốn thứ kia là vô hình: cảm giác, sự nhận thức, sự tạo nghiệp và tri thức, nói chung là các tư duy, xúc cảm và tác ý. Sở dĩ chúng ta cảm nhận được các thứ thứ vô hình này -, tư duy, xúc cảm, tác ý - tương đối dễ dàng là vì chúng trực tiếp hiện lên bên trong tâm thức mình. Trái lại đối với các hiện tượng vô hình thuộc thế giới bên ngoài thì thật hết sức khó cho chúng ta nhận biết được chúng, bởi vì não bộ và tâm thức chỉ có thể tiếp xúc với với các hiện tượng vô hình thuộc môi trường bên ngoài qua trung gian của ngũ giác mang khả năng rất giới hạn. Do đó dù trong thế giới các hiện tượng vô hình cũng hết sức phong phú và đa dạng thế nhưng chúng ta không cảm nhận được hết, vì vậy các hiện tượng này cũng có thể xem là "siêu-vô-hình" hay "siêu-cảm-nhận", tức là vượt khỏi khả năng nhận thức của mình. Sự mù tịt đó có thể khiến chúng ta tưởng tượng ra mọi thứ dị đoan đủ loại.

Điều này cho thấy nếu muốn đi xa trong việc tu tập thì phải mượn phép thiền định để hướng thật sâu vào bên trong tâm thức mình, bởi vì nếu chỉ biết nhìn vào thế giới bên ngoài để tìm hiểu các hiện tượng vô hình mà mình mù tịt, thì đây chỉ là các phóng tưởng tâm thần xuyên qua các sự bám víu bản năng của mình, chẳng hạn như tưởng tượng ra thiên đường ở trên Trời hay cõi cực lạc ở hướng Tây. Bám víu vào chúng cũng chẳng khác gì như rơi vào một mê hồn trận không lối thoát. Hãy nhìn vào hiện trạng bế tắc trong lãnh vực tín ngưỡng ngày nay trên thế giới sẽ hiểu được điều đó.

Đức Phật không thuyết giảng những chuyện trên trời và những gì bên kia cái chết, mà chỉ giảng cho chúng cách làm cho các thứ khổ đau của mình phải chấm dứt. Ý thức được điều đó một cách nghiêm chỉnh sẽ khiến chúng ta phải thận trọng, phải phân biệt thật rõ ràng những gì Đức Phật giảng và những gì Ngài không giảng. Lạt-ma Denys cũng vậy, cũng chỉ khuyên chúng ta tìm hiểu cái chết để chấp nhận nó và sống với nó, điều đó không có nghĩa là mình đã chết trong khi còn đang sống, mà chỉ là cách khiến cho "cái tôi" của mình chết, hầu giúp mình được sống thành thoi, trọn vẹn và xứng đáng trong thế giới này, ngay trong kiếp sống này.

Chú thích

[8] Bản kinh này nêu lên tính cách thực dụng trong toàn bộ Giáo Huấn của Đức Phật, đặt sang một bên các vấn đề triết học siêu hình và thuần lý. Độc giả có thể tham khảo các bản dịch khác nhau của bài kinh này trong nhiều sách và trang mạng. Sau đây là một vài bản dịch tiêu biểu:

Tiếng Pháp:

- *Cula-Malunkyovada Sutta: Les courtes instructions à Malunkyata*

<http://www.canonpali.org/tipitaka/suttapitaka/majjhima/mn063.html>

- Môhan Wijayaratna: *Sermon du Bouddha: Malunkyata Sutta, Les questions inutiles*, tr.113-117, nhà xuất bản Cerf, 1988.

Tiếng Anh:

- *Cula-Malunkyovada Sutta: The Shorter Instructions to Malunkya*
(translated from the Pali by Thanissaro Bhikkhu, 1998)

<https://www.accesstoinight.org/tipitaka/mn/mn.063.than.html>

- *Cula-Malunkyovada Sutta. The Questions Of Malunkyaputta*

(translated from the Pali by E. J. Thomas, M.A. Originally Published by John Murray, Ibermarle Street, W. London, 1913)

<http://obo.genaud.net/dhamma-vinaya/thom/mn/mn.063.thom.htm>

- *Cula Malunkya-putta Sutta. The Shorter Discourse to Malunkya-putta (trang 49-65)*
(translated by Pia Tan, 2003)

<http://dharmafarer.org/wordpress/wp-content/uploads/2009/12/5.8-Cula-Malunkyaputta-S-m63-piya.pdf>

(bản dịch này của Pia Tan rất chi tiết, chính xác và dễ hiểu, nhất là được tra cứu rất cẩn thận. Chữ Pali tathagatha trong bài kinh được giải thích rất rõ [xem phân đoạn 3 (tr.51-53) và các chú thích cuối

trang/footnotes số 9 (tr.50), số 22 (tr. 51), số 30 (tr.52). Có thể xem bản dịch này như là một trong các bản định mẫu dùng vào việc dịch thuật kinh điển Pa-li].

Tiếng Việt:

- *Tiểu kinh Málunkya (Cula Malunkya Sutta)*
(Hòa thượng Thích Minh Châu Việt dịch, Bình Anson hiệu đính, 2004)

<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung63.htm>

(bản Việt dịch trên đây còn quá nhiều thuật ngữ tiếng Hán; ngoài ra văn phạm, cú pháp và cả cách hành văn rất gần với Hán ngữ, có thể khó hiểu cho một số người đọc).

Bures-Sur-Yvette, 04.12.17

Hoang Phong chuyển ngữ

(a: Hình bánh xe của sự sống trang 9)



“Sự lương thiện không cần qua sát hạch”.

Ngọc Trúc



Đạo diễn Walter Salles

Một ngày nọ, có một người đàn ông tên là Walter Salles vào thành phố làm việc, ông đi ngang một cậu bé đánh giày khoảng mười mấy tuổi ở quảng trường nhà ga xe lửa, cậu bé đánh giày hỏi ông: “Thưa ông, xin hỏi ông có cần đánh giày không ạ?”

Walter cúi đầu nhìn đôi giày chưa quá bản của mình, ông lắc đầu từ chối. Khi Walter chuẩn bị đổi tàu thì cậu bé lúng túng, ngượng ngùng, đôi mắt ánh lên sự cầu xin: “Thưa ông, cả ngày nay cháu chưa ăn gì rồi, xin ông có thể cho cháu vay một chút tiền được không ạ? Cháu sẽ cố gắng đánh giày, một tuần sau cháu sẽ trả lại tiền cho ông!”.

Walter nhìn cậu bé trước mặt mặc bộ quần áo rách rưới, cả người gầy gò, thế là ông móc túi đưa cho cậu bé vài đồng xu. Cậu bé vô cùng cảm kích nói lời cảm ơn ông rồi

chạy đi như bay.

Khi đó, Walter nghĩ thầm: “Lại là một thằng nhóc lừa đảo...” và rồi ông đã quên bẵng đi...

Cho đến vài tuần sau, Walter lại đi ngang qua trạm xe lửa, đột nhiên ông nghe thấy giọng nói từ xa vọng lại: “Thưa ông, xin ông đợi một lát!”. Khi đó, ông nhìn thấy một cậu bé gầy gò chạy đến đưa cho ông mấy đồng xu, lúc này Walter mới nhận ra cậu bé này chính là đứa bé đánh giày đã mượn ông tiền. Cậu bé vừa thở hổn hển vừa nói: “Cháu đã đợi ông ở đây rất lâu rồi, rốt cuộc hôm nay cũng đã trả được tiền cho ông”.

Walter cầm trong tay những đồng xu còn ướt đẫm mồ hôi của cậu bé, đột nhiên ông cảm thấy đứa trẻ này thật đặc biệt. Thế nên bỗng nhiên ông có một suy nghĩ, ông thấy cậu bé này rất phù hợp với hình tượng nam chính trong kịch bản mới của mình.

Hóa ra Walter là một đạo diễn và khi đó ông đang chuẩn bị phần tiền kỳ cho bộ phim, ông đã quan sát các sinh viên của trường diễn xuất không dưới một trăm lần, nhưng đều không vừa ý.

Lúc này, ông nhận ra rằng cậu bé này có thể là nam chính trong bộ phim của ông. Và rồi ông lấy vài đồng xu ra và nói với cậu bé rằng: “Số tiền này là chính tôi muốn cho cháu, không cần trả lại. Ngày mai cháu hãy đến văn phòng đạo diễn ở công ty điện ảnh trong thành phố tìm tôi, tôi sẽ cho cháu một

niềm vui bất ngờ lớn hơn”. Nói xong, Walter rời đi, trong lòng cảm thấy rất ấm áp và bắt đầu hy vọng vào cậu bé này.

Hôm sau, bảo vệ công ty điện ảnh nói với Walter rằng trước cửa có một nhóm trẻ con mặc quần áo rách rưới đến. Walter vô cùng ngạc nhiên, ông đi ra cửa thì thấy cậu bé ngày hôm qua chạy đến, vui vẻ nói: “Thưa ông, họ đều cũng là trẻ mồ côi lưu lạc không có cha mẹ giống như cháu, các bạn ấy cũng hy vọng có được niềm vui bất ngờ ạ!”

Walter không thể nào ngờ được một cậu bé vô gia cư nghèo khó lại lương thiện đến thế. Nhưng sau khi quan sát, ông nhận ra quả thật là có vài đứa trẻ khác trong số đó phù hợp với vai nam chính trong kịch bản của ông hơn. Dù vậy cuối cùng Walter đã quyết định chọn cậu bé đánh giày này và ông viết trong hợp đồng lý do mà ông chọn cậu bé là: “*Sự lương thiện không cần qua sát hạch*”.

Cậu bé này chính là Vinicius de Oliveira người Brazil, cậu chủ nhỏ trong bộ phim “Central Station” (hay “Central do Brasil”) nổi tiếng của đạo diễn Walter Salles, bộ phim này đã nhận được hơn 50 giải thưởng, chiến thắng giải “Phim nói tiếng nước ngoài hay nhất” tại Quả Cầu Vàng 1999 và còn nhận được 2 đề cử Oscar năm đó.

Vài năm sau, Vinicius de Oliveira cũng mở một công ty điện ảnh và làm chủ tịch, anh còn viết một quyển tự truyện có tên là “Cuộc đời diễn viên của tôi”.

Trên trang bìa trong của quyển sách có dòng chữ viết tay của ông Walter: “*Sự lương*

thiện không qua sát hạch” và đánh giá của ông về Vinicius de Oliveira: “*Vì lòng lương thiện, cậu từng đem cơ hội nhường cho người khác; cũng vì sự lương thiện ấy, cơ hội trong cuộc đời chưa từng bỏ qua cậu*”.



Diễn viên Vinicius de Olivera

Ngọc Trúc

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Tham ái

336

*Ai sống trong đời này
Ái dục được hàng phục
Sầu rơi khỏi người ấy
Như giọt nước lá sen.*

CÁO BẠCH
BAN TANG LỄ
CỔ GIÁO SƯ TRẦN QUANG THUẬN PHÁP DANH TÂM ĐỨC



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni,

Kính thưa quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử,

Chúng con/chúng tôi thành kính cáo bạch:

Giáo Sư Trần Quang Thuận, Pháp Danh Tâm Đức, Pháp Tự Trí Không, sinh ngày 2 tháng 7 năm 1930 tại Huế, Đệ Tử Đức Cố Đệ Tam Tăng Thống GHPGVNTN Thích Đôn Hậu, Cựu Bộ Trưởng Bộ Xã Hội, Cựu Thượng Nghị Sĩ Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Hội Liên Hữu Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch GHPGVNTNHN-HK và GHPGVNTNKH, Giám đốc Trung Tâm Học Liệu Phật Giáo, California, Hoa Kỳ; đã xả bỏ thân ngũ ấm vào lúc 10 giờ 45 phút sáng ngày 28 tháng 12 năm 2017 (nhằm ngày 12 tháng 11 năm Đinh Dậu) tại Bệnh Viện Kaiser Fontana, Los Angeles, California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 88 tuổi.

-Lễ Nhập Quan: Vào lúc 10 giờ sáng Thứ Sáu, ngày 12 tháng 1 năm 2018 tại Peek Funeral Home, 7801 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683;

-Lễ Truy Niệm: Vào lúc 11 giờ sáng Thứ Bảy, ngày 13 tháng 1 năm 2018 tại Peek Funeral Home;

-Lễ Di Quan và An Táng: Vào lúc 1 giờ chiều Thứ Bảy, ngày 13 tháng 1 năm 2018 tại Peek Funeral Home;

Ngưỡng nguyện chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni trong mười phương nhất tâm hộ niệm Chơn Linh Cổ Giáo Sư Trần Quang Thuận, Pháp Danh Tâm Đức, Pháp Tự Trí Không nương nhờ Phật lực Vãng Sanh Cực Lạc Quốc.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật Chứng Minh Tiếp Độ

Nhật tâm Cáo Bạch

Los Angeles, ngày 29 tháng 12 năm 2017

Trưởng Ban Tang Lễ

Hòa Thượng Thích Như Minh

BA THỜI CHUYỂN PHÁP LUÂN

Cư Sĩ Nguyên Giác

Cơ hội để Phật Tử Việt Nam tiếp cận với Phật Giáo Tây Tạng ngày càng nhiều. Kim Cang Thừa đã quen thuộc với một số Phật Tử hữu duyên.

Hàng trăm Phật Tử Việt Nam đã tham dự khóa tu Kalachakra (Thời Luân) do Đức Đạt Lai Lạt Ma truyền giảng trong 10 ngày giữa tháng 7-2011 tại Washington, D.C.

Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa đời thứ XII và Tăng Đoàn Truyền Thừa Drukpa đã tới Việt Nam thăm và truyền pháp Mật Tông từ ngày 14-3-2010 đến ngày 4-4-2010 theo lời mời của Thành Hội Phật giáo Hà Nội. Các năm trước đó, Ngài Drukpa cũng đã nhiều lần thăm VN.

Tháng 12-2009, phái đoàn Phật giáo Tây Tạng thuộc dòng truyền thừa Geluk, dưới hướng dẫn của Trưởng Lão Lạt Ma Dhakpa Tulku Rinpoche, đã tới thăm VN.

Câu hỏi nơi đây là, tại sao có những dị biệt thấy rõ giữa các truyền thống Phật Giáo, và chúng ta nên tu học ra sao khi phải lựa chọn một pháp tu? Hay phải chăng, như lời Phật dạy, các giáo pháp của Đấng Thế Tôn chỉ có một vị là giải thoát?

Điểm quen thuộc nhất với Phật Tử VN là khi quý sư Tây Tạng giảng về Bát Nhã Tâm Kinh, một bài kinh xuất hiện trong bất kỳ nghi thức nào của Phật Giáo Bắc Tông. Khi giảng về bài Tâm Kinh, quý sư Tây Tạng

thường nhắc rằng đó là giáo pháp thời kỳ thứ nhì, khi Đức Phật dạy về Tánh Không.

Truyền thống PG Tây Tạng chia giáo pháp Đức Phật ra ba thời kỳ chuyển pháp luân: thời kỳ đầu, dạy pháp Tứ Diệu Đế; thời kỳ thứ nhì, dạy pháp Tánh Không; thời kỳ thứ ba, dạy về Phật Tánh.

Có thể giải thích ngắn gọn rằng, thời kỳ đầu, Đức Phật dạy rằng có Khổ để xa lìa; thời kỳ thứ nhì, Đức Phật dạy về Tánh Không, rằng vốn thật không hề có Khổ Tập Diệt Đạo nào cả; và thời kỳ thứ ba, Đức Phật dạy rằng tâm chiếu sáng trong Tánh Không đó chính thực là Phật Tánh.

Như thế, chúng ta nên tu làm sao, khi phải đứng giữa những ngã ba, ngã tư, ngã bảy giáo pháp như thế? Thêm nữa, càng nhìn kỹ vấn đề lại càng nhìn thấy nghìn trùng hung hiểm: nghiêng lệch qua trái một chút, có thể sẽ chấp vào hư vô luận; nghiêng lệch qua phải một chút, lại xa lìa giáo pháp Vô Ngã, cơ nguy chấp vào kiểu linh hồn của ngoại đạo. Do vậy, biết Trung Đạo là đúng, nhưng thế nào là Trung Đạo?

Nơi đây, chúng ta thử đọc lại cuốn Vô Môn Quan, một tác phẩm lớn của PG Bắc Tông, nơi tác thứ 41, ngài Huệ Khả (487-593) năm 40 tuổi tới Thiếu Lâm Tự tham vấn Bồ Đề Đạt Ma. Theo truyền thuyết, Bồ Đề Đạt Ma chỉ im lặng nhìn vách núi, để mặc Sư đứng trong tuyết băng nhiều ngày. Thế rồi Huệ

Khả lấy dao tự chặt cánh tay trái dâng Bồ Đề Đạt Ma để tỏ quyết tâm cầu đạo.

Huệ Khả nói, “Con không an được tâm, xin thầy an tâm cho con.”

Bồ Đề Đạt Ma nói, “Đưa tâm cho ta, ta sẽ an cho.”

Huệ Khả đáp: “Con không thấy tâm đâu cả.”

Bồ Đề Đạt Ma đáp: “Ta đã an tâm cho con rồi.”

Rồi sau sáu năm tu học với Bồ Đề Đạt Ma, Huệ Khả được ấn chứng, nhận y bát và trở thành Nhị tổ của Thiền tông Trung Quốc.

Chuyện chặt tay hẳn là huyền thoại đời sau kể thêm. Bởi vì thời xưa không có Internet, không có phát thanh, không có báo chí thông tin, lại chuyện trên núi cao, nên các tin đồn thì vô số kể, khi nhiều năm sau được kể lại, từ người này qua người kia. Thêm nữa, khó hình dung là, có dao nào mà tay này chặt đứt phăng được tay kia, và người vừa chặt tay xong lại bình tĩnh hỏi chuyện an tâm nữa.

Nhưng khi nhìn tâm hoài mà “không thấy tâm đâu cả” hiển nhiên là một bước nhảy lớn, khi thấy Tánh Không của tâm, khi các tâm tham sân si đều rớt hết, và ngay cả “tâm muốn làm Phật” cũng không còn tồn tại. Và như thế cũng là, Huệ Khả không thấy có cái gì gọi là “tôi” trong tâm, và cũng không thấy cái gì là “của tôi” trong tâm. Nếu dựa theo lý giải của PG Tây Tạng, chúng ta có thể gọi rằng Bồ Đề Đạt Ma truyền pháp cho Huệ Khả theo giáo pháp thời kỳ thứ nhì, tức là thấy tự tánh của tâm là Không.

Tuy nhiên, nói như thế lại có vẻ máy móc quá. Bởi vì chúng ta có thể chất vấn thêm một bậc, vậy rồi “cái gì thấy” cái tâm không đó?

Đức Đạt Lai Lạt Ma, trong tác phẩm Buddha Heart, Buddha Mind (NXB Crossroad, 1999), nơi trang 110, viết rằng Phật Tánh là “ánh sáng trong trẻo nguyên thủy của tâm,” nhưng ngài cảnh giác rằng nó thực sự không xuất hiện độc lập bởi vì nó có bản tánh là rỗng không.

Như thế, nghĩa là, nhìn vào tận cội nguồn của tâm, chỉ thấy Tánh Không và từ đây lưu xuất Trí Tuệ. Như thế, chỉ trong một niệm tâm, hay một tâm vô niệm, hay một niệm vô tâm, hay một cái nhìn trực nhận Tánh Không của tâm, cả ba thời chuyển pháp luân cùng xuất hiện: nơi đó không còn Khổ (thời kỳ thứ nhất), nơi đó là Tánh Không (thời kỳ thứ nhì), và nơi đó là Phật Tánh Trí Tuệ lưu xuất (thời kỳ thứ ba).

Đại sư Thanissaro Bhikkhu, một vị sư Nam Tông nổi tiếng, trong bài nhan đề “Emptiness” (Rỗng Không) đăng trên mạng Accesstoinsight.org, đã viết, trích dịch như sau:

“Rỗng không là một trạng thái của nhận thức, một cách nhìn vào kinh nghiệm. Nó không thêm gì vào và không lấy bớt đi từ dữ kiện tươi (chưa thanh lọc) về các sự kiện vật lý và tinh thần. Bạn nhìn vào các sự kiện trong tâm và [nhìn vào] các cảm giác với không một niệm suy nghĩ nào về có phải có cái gì nằm bên dưới chúng...”

Hãy lấy một thí dụ, rằng bạn đang tập thiền, và thấy xuất hiện một cảm giác sân giận đối với mẹ của bạn. Lập tức, phản ứng của tâm là đặt căn cước cho nỗi giận này là nỗi giận “của tôi,” hay là nói rằng, “tôi” nỗi giận. Rồi nó nghiền ngẫm về cảm giác này, hoặc là dẫn vào câu chuyện quan hệ giữa bạn và mẹ, hay là tới cái nhìn tổng quát của bạn về khi nào và nơi đâu mà cơn giận đối với mẹ có thể là đúng đắn. Vấn đề với tất cả chuyện này, theo quan điểm Đức Phật, là những câu chuyện đó và các cái nhìn đó [của bạn về mẹ] dẫn tới nhiều đau khổ. Bạn càng dính vào chúng, bạn càng lệch ra ngoài việc nhìn vào nguyên nhân thực sự của đau khổ: việc đặt nhãn hiệu “tôi” và “của tôi” và như thế là cho cả tiến trình lưu chuyển [với đau khổ]. Do vậy, bạn không thể tìm ra cách thoát ra nguyên nhân đó, và để mang đau khổ tới sự kết thúc.

Tuy nhiên, nếu bạn có thể ứng dụng trạng thái rỗng không -- bằng cách dừng hành động, hay dừng phản ứng gì với cơn giận, mà chỉ đơn giản nhìn nó như một chuỗi sự kiện, trong nó và của nó -- bạn có thể thấy rằng cơn giận đó thì trống rỗng, không chứa bất cứ thứ gì đáng đặt căn cước cho nó, hay đáng để lưu chuyển. Khi bạn thành thạo việc ứng dụng trạng thái rỗng không liên tục, bạn thấy rằng sự thật này không chỉ ở nơi cảm giác thô như cơn giận, mà cũng cho cả các sự kiện vi tế nhất trong cõi kinh nghiệm của bạn. Đó là cảm giác trong đó vạn pháp đều rỗng không.” (hết trích dịch)

Như thế, chỉ trong một niệm tâm, chúng ta thấy cả ba thời giáo pháp của Đức Phật cùng xuất hiện: nơi đó, Khổ biến mất; nơi đó, Tánh Không của tâm hiển lộ; và cũng nơi

đó, cái thấy trong trẻo của Trí Tuệ hiển lộ.

Do vậy, nếu trọn ngày luôn giữ tâm như thế, chúng ta sẽ không còn thắc mắc về những cách phân chia phức tạp của các thời kỳ chuyển pháp luân. Và rồi, khi nghe lời giảng từ các vị sư – dù ở các truyền thống Bắc Tông, Nam Tông, hay Kim Cang Thừa (PG Tây Tạng)... -- chúng ta cũng có thể đưa cách tu học trở về một niệm tâm như thế, vừa đơn giản, vừa thực tiễn, và vừa xa lìa mọi đau khổ.

Bất kỳ ai cũng có thể tu tập ba thời chuyển pháp luân này. Chỉ cần trong mọi thời đi đứng nằm ngồi, cảm nhận toàn thân, hơi thở dịu dàng, lòng không khởi niệm, lẳng lặng nhìn tâm.



VÔ THƯỜNG HƯ VÔ

Phổ Đồng

*Như trang chữ nhớ người tuyên
Tùng đêm rơi rụng vui dân từng trang
Giật mình mộng vỡ đầu trang
Cuối trang kinh hóa vô thường hư vô.*

J. KRISHNAMURTI
BÀN VỀ SỰ THẬT
 Lời dịch: Ông Không 3-2011
 Nguyên tác: ON TRUTH

Tri ân Alan Kartly và con gái – Australia – đã gửi tặng nguyên tác tiếng Anh On Truth.

ÔNG KHÔNG.

Con người vĩ đại nhất trong tất cả những con người giải thoát đã luôn luôn giảng thuyết bằng sự đơn giản và sự rõ ràng lạ thường. Đây là bản chất của Sự thật, và đó là bản chất của Krishnamurti.'

Larry Dossey, M.D.

Bàn về Sự thật trao tặng những suy nghĩ sâu sắc nhất của Krishnamurti trên con đường thâm nhập Sự thật. Năm 1929, ông bắt đầu sống giảng thuyết trước công chúng bằng câu nói, 'Sự thật là một mảnh đất không lối vào.' Qua nhiều năm nói chuyện cùng khán giả thuộc mọi tuổi tác và trình độ, ông liên tục nhấn mạnh rằng sự thật không thể tiếp cận được qua dụng cụ của sự suy nghĩ. Sự thật không thể nắm bắt và không tên tuổi, và chỉ có thể được nhận ra qua sự thâm nhập vào toàn chuyển động của sự suy nghĩ và những hoạt động của nó. Khi lần đầu tiên xuất hiện trong những quyển sách, những lời giảng đầy sức sống này phơi bày sự thật hiện diện như thế nào khi nỗ lực ngừng lại, cái trí trống không, và chỉ có khoảnh khắc của hiện tại. Chúng ta nhận ra rằng Sự thật hiện diện không được mời mọc, 'cùng vinh quang', khi người ta đặt tất cả trong trật tự, và trong đó có 'thiên liêng vô cùng.'

JIDDU KRISHNAMURTI (1895 – 1986) là một người thầy tinh thần nổi tiếng khắp thế giới mà những lời giảng và những quyển sách của ông thôi thúc sự tìm hiểu về sống của hàng ngàn người. Những quyển sách khác gồm có, Bàn về Sự hãi, Bàn về Học hành và Hiểu biết, Bàn về Xung đột, Bàn về Thiên nhiên và Môi trường, và Bàn về Sống và Chết.

Tôn giáo có nghĩa tìm hiểu bằng sự ngờ vực, đặt ra nghi vấn bằng sự hoài nghi, thâm nhập vào điều gì là sự thật. Đó là tôn giáo.

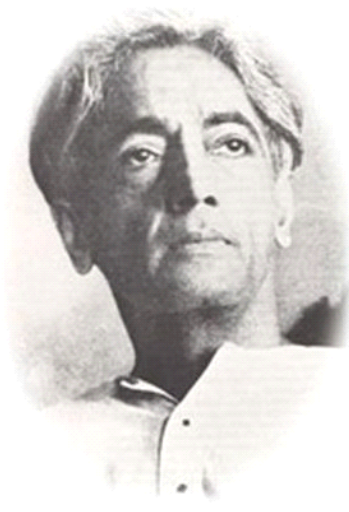
Ojai, ngày 2 tháng 5 năm 1981



Hàng trên LM Leadbeater - Bà Annie Besant và Alcyon

Jiddu Krishnamurti

Phúc Trung



Jiddu Krishnamurti (1895-1986)

Jiddu Krishnamurti hay **J. Krishnamurti**, ông còn có biệt danh **Alcyon**, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1895, tại Madanapalle, Ấn độ, Krishnamurti sinh ra trong một gia đình Bà la môn cha là Narianiah và mẹ là Sanjeevamma Jiddu, gia đình nghèo. Khi còn là thiếu niên, Krishnamurti có cơ hội gặp gỡ với Linh mục C.W. Leadbeater, người Anh, một nhà huyền bí học nổi tiếng, đang giữ chức Hội Thông Thiên Học quốc tế, có trụ sở chính tại Adyar thuộc Madras, bây giờ là Chennai. Sau đó, Krishnamurti được nuôi dưỡng dưới sự giám hộ của bà Annie Besant và ông C.W. Leadbeater, những nhà lãnh đạo của Hội Thông Thiên Học lúc đó tin rằng Krishnamurti sẽ trở thành vị Thầy Thế giới trong tương lai, họ đã thành lập hội Ngôi Sao Phương Đông, một tổ chức toàn cầu được lập để hỗ trợ ý tưởng này khi Krishnamurti đủ tuổi trưởng thành, mua đất đai, xây dựng cơ sở tại

California.

Khi đến tuổi trưởng thành Krishnamurti đã bác bỏ ý tưởng là Giáo chủ của Ngôi Sao Phương Đông và giải tán hội Ngôi Sao Phương Đông. Ông khẳng định rằng mình không thuộc bất cứ quốc tịch, tầng lớp, tôn giáo hay trường phái triết học nào, và ông giành suốt quãng đời còn lại của mình đi khắp thế giới như một nhà diễn thuyết độc lập, nói chuyện với các nhóm lớn và các nhóm nhỏ, cũng như với những cá nhân quan tâm, là một tác gia và nhà diễn thuyết nổi tiếng về các vấn đề triết học và tinh thần. Các chủ đề bao gồm, nhưng không giới hạn: mục đích của thiên định, mối quan hệ giữa con người, và phương cách để tạo nên sự thay đổi xã hội tích cực trên phạm vi toàn cầu.

Krishnamurti là tác giả của rất nhiều cuốn sách, trong đó có quyển *At the feet of Master*

với tên tác giả là Alcyon phát hành năm 1911, lúc đó ông mới 16 tuổi, sau đó đã được dịch trên 27 thứ tiếng, trong đó có bản tiếng Việt *Dưới Chân Thầy*, là quyển sách gối đầu giường của mỗi hội viên Hội Thông Thiên Học. Ngoài ra, một khối lượng đồ sộ các bài nói và thảo luận của ông cũng được xuất bản. Ở tuổi 90, Krishnamurti đã diễn thuyết tại Liên Hợp Quốc về chủ đề hòa bình và nhận thức, ông đã được trao tặng Huân chương Hòa Bình của Liên Hợp Quốc năm 1984. Buổi nói chuyện trước công chúng cuối cùng của ông diễn ra tại Madras, Ấn Độ, vào tháng 1 năm 1986. Ông qua đời ngày 17 tháng 2 năm 1986, tại nhà riêng ở Ojai, California. Thọ 91 tuổi.

Những người ủng hộ ông, làm việc trong các chức phi lợi nhuận, trông nom một số trường học độc lập thực hiện quan điểm của ông về giáo dục – tại Ấn Độ, Anh Quốc và Mỹ – và tiếp tục sao chép và phổ biến hàng nghìn bài nói, các cuộc thảo luận nhóm và cá nhân, và các tác phẩm khác, xuất bản chúng dưới nhiều định dạng khác nhau, bao gồm sách, audio, video, sách điện tử, internet, với nhiều ngôn ngữ khác nhau.

J.Krishnamurti, cuộc sống và những lời dạy của ông trải dài trong phần lớn thế kỷ hai mươi, được nhiều người tôn vinh là một con người có ảnh hưởng sâu sắc nhất vào ý thức nhân loại trong thời đại hiện nay. Là một hiền nhân, triết gia và tư tưởng gia, ông soi sáng cuộc sống của hàng triệu người khắp thế giới: những người trí thức và những người bình thường, cả người già lẫn người trẻ. Ông tạo ra ý nghĩa căn bản và mới mẻ cho tôn giáo bằng cách chỉ rõ một cách sống vượt khỏi tất cả những tôn giáo có tổ chức. Ông can đảm đối diện những vấn đề của xã

hội hiện nay và phân tích bằng sự rõ ràng có khoa học những hoạt động của cái trí con người. Tuyên bố rằng sự quan tâm duy nhất của ông là "làm cho con người được tự do một cách tuyệt đối và không điều kiện", ông tìm kiếm sự giải thoát con người khỏi tình trạng bị điều kiện sâu thẳm của tánh ích kỷ và đau khổ.

Từ đầu những năm 1920 đến năm 1986, Krishnamurti đi khắp thế giới cho đến cuối đời lúc 91 tuổi, tổ chức những buổi nói chuyện, những cuộc thảo luận, viết sách hay là ngồi yên lặng cùng những người đàn ông và phụ nữ đang tìm kiếm sự hiện diện đầy nhân ái và an ủi của ông. Những lời dạy của ông không dựa vào những hiểu biết thuộc sách vở và kinh điển nhưng dựa vào sự thấu triệt về tình trạng bị điều kiện của con người và quan điểm của ông về sự thiêng liêng. Ông không trình bày bất kỳ "triết thuyết" nào, trái lại nói về những sự việc liên hệ với tất cả chúng ta trong cuộc sống hàng ngày: những vấn đề khi đang sống trong xã hội hiện đại với sự phân hoá và bạo lực của nó, sự tìm kiếm của cá nhân để có an toàn và hạnh phúc, và sự đòi hỏi của con người để được tự do khỏi những gánh nặng tâm lý của tham lam, bạo lực, sợ hãi và đau khổ.

Krishnamurti không lệ thuộc vào bất kỳ tôn giáo, giáo phái, hay là quốc gia nào. Ông cũng không tán thành bất kỳ trường phái tư tưởng thuộc học thuyết hay chính trị nào. Trái lại ông quả quyết rằng những trường phái này chính là những yếu tố phân chia con người với con người và tạo ra xung đột lẫn chiến tranh. Ông nhấn mạnh vào thời gian và lặp lại liên tục rằng chúng ta là những con người cao quý và quan trọng nhất, rằng mỗi người trong chúng ta là phần

còn lại của nhân loại và không khác biệt gì cả. Ông vạch ra sự quan trọng để tạo ra cuộc sống hàng ngày của chúng ta một chất lượng thiên định và tôn giáo sâu sắc. Ông nói chỉ có một sự thay đổi triệt để mới có thể tạo ra một cái trí mới mẻ, một nền văn minh mới mẻ. Vẫn vậy lời dạy của ông vượt khỏi tất cả những biên giới do con người tạo ra của những niềm tin tôn giáo, những cảm tình quốc gia và những quan điểm thuộc giáo phái. Cùng lúc, chúng cho một ý nghĩa và một phương hướng mới đến việc tìm hiểu của con người hiện đại về chân lý, về thiêng liêng. Những lời dạy của ông, không chỉ liên quan đến thời đại hiện nay, mà còn có tính tổng thể và không thời gian.

Tác phẩm:

- *Dưới chân Thầy (Alcyon)*
- *Nghĩ về những điều này*
- *Thế nào là Tình Yêu*
- *Bàn về liên hệ*
- *Bàn về giáo dục*
- *Cuốn sách của cuộc sống*
- *Nói chuyện cuối cùng 1985*
- *Bài diễn văn giải tán hội Ngôi sao*
- *Tuyển tập Krishnamurti*
- *Bạn làm gì với đời mình*
- *Chuyên đề đặc biệt dành cho tuổi trẻ*
- *Cuộc đời phía trước*
- *Về sống và chết*
- *Đại bàng cất cánh*
- *Tự do đầu tiên và cuối cùng*
- *Giáo dục và ý nghĩa của cuộc sống*
- *Bàn luận về cuộc sống I*
- *Bàn luận về cuộc sống II*
- *Bàn luận về cuộc sống III*
- *Tự do khỏi tri thức*
- *Thiên định*
- *Cuộc cách mạng duy nhất*

- *Bạn là cả thế giới*
- *Truyền thống và Cách mạng*
- *Sự khẩn thiết phải thay đổi*
- *Câu hỏi không thể*
- *Khai sáng trí năng*
- *Khám phá nội tâm*
- *Toàn bộ cuộc sống*
- *Ngọn lửa chú ý*
- *Tương lai là hiện tại*
- *Mạng lưới suy nghĩ*
- *Tâm không đo lường*
- *Thư gửi trường học*



Khung trời cũ

*Đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ
 Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang
 Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ
 Tháp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn
 Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
 Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan
 Cười với nắng một ngày sao chóng thê
 Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng
 Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ
 Bụi đường dài gót mồi đi quanh
 Giờ ngó lại bốn vách tường ử rữ
 Suối rừng xa ngược nước xuôi ngàn*

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Hoàng Ngọc Tuấn phổ nhạc thành bài hát Khung trời hội cũ.

Nguồn: Tuệ Sỹ, *Giấc mơ Trường Sơn*, An Tiem California, 2002

Ý NGHĨA LỄ QUÁN ĐỈNH

Nhiếp Chính Vương Khamtrul Rinpoche Jigme Pema Nyinjadh đời thứ IX khai thị

Drukpa Việt Nam

Một đặc trưng của Phật Giáo Kim Cương Thừa là nghi thức bắt buộc tham dự việc phát nguyện, phụng sự và thực hành nghi quỹ (tiếng Phạn là sadhana) theo một đức bổn tôn hay một vị bồ tát nào đó. Đó là nghi thức mà một bậc thầy tu chứng thành tựu một pháp môn nào đấy trao truyền trực tiếp cho các đệ tử pháp môn đó, bao gồm mô tả, giảng nghĩa, quán tưởng và thứ lớp tu tập cùng với các nghi lễ cúng dường và thần chú tương ứng. Mặc dù vậy, quán đỉnh còn mang ý nghĩa nhiều hơn những gì cấu thành nên nó; nó là sự trao truyền nguồn ân phúc và năng lực gia trì của cả một dòng truyền thừa.

Quán đỉnh ban sự gia trì và trao quyền thể nhập thực hành một nghi quỹ tantra. Quán đỉnh có thể ngắn hoặc dài, đơn giản hay phức tạp. Quán đỉnh thường bao gồm (1) wang (tiếng Phạn là Abisheka) tức là phần quán đỉnh thánh hoá người đệ tử thành vị hoá thân bản tôn, (2) lung tức là phần khâu truyền - tụng đọc một bài kinh văn (đôi khi có thể là tụng bản cô đọng hoặc tụng nhanh đầy đủ cả bài kinh), và (3) tri là những phần giảng dạy hướng dẫn cách tu tập thực hành. Trong những trường hợp đặc biệt, chỉ cần một nghi lễ rút gọn kết nối người đệ tử với nghi quỹ thực hành đi kèm cùng trì tụng thần chú liên quan là đủ.

Như theo lời dạy của một bậc Kim Cương Thượng Sư:

"Hầu hết các pháp tu trì tụng thần chú và quán tưởng của tantrayana hay Kim Cương Thừa đòi hỏi hành giả phải được thụ nhận quán đỉnh, được trao quyền và được hướng đạo từ một bậc thầy phẩm hạnh trước khi bắt đầu tu tập thực hành một nghi quỹ hay sadhana nào đó.

Tuy nhiên, một số pháp tu do Đức Phật Thích Ca truyền cho đại chúng không phải tuân theo quy định này. Tất cả các pháp môn trong Kinh thừa chắc

chắn đều đã chứa đầy ân đức gia trì của Đức Phật rồi nên bất kỳ ai mong muốn đều có thể thực hành theo, trong đó bao gồm cả các pháp tu của Đức Bồ Tát Quán Âm (Chenrezig) và của Phật Mẫu Tara Xanh (Lục Độ Mẫu). Đương nhiên, mặc dù vậy bạn luôn được khuyến khích thụ quán đỉnh Kim Cương Thừa của Quán Âm và Lục Độ Mẫu bất kể khi nào có cơ duyên. Mặc dù pháp môn mà tôi đang nói đến ở đây có thể được tu tập thụ trì ngay lập tức nhờ phúc đức gia trì của Đức Thế Tôn. Khi bạn được thụ nhận quán đỉnh Quán Âm, sự tu tập và năng lực kết nối bạn với căn bản thượng sư (tsaway lama) của mình và Bản Tôn Quán Âm càng được tăng trưởng hơn."

Lễ quán đỉnh truyền pháp đầy đủ trong Đạo Phật thường được chia làm bốn phần:

1. quán đỉnh bình.
2. quán đỉnh bí mật.
3. quán đỉnh trí tuệ.
4. quán đỉnh khâu, âm, ngữ hay quán đỉnh 'như thị'

Quán đỉnh thứ tư mặc dù được gọi là 'Ngữ quán đỉnh' nhưng không bao giờ được trình bày bằng 'ngôn từ'. Đôi khi một biểu tượng nào đó được dùng để minh hoạ cho thể tính trong sáng quang minh của tâm.

Chuyển hoá Độc tố thành Cam lồ (Kinh)

Bốn quán đỉnh giai đoạn thành thực giống như nguồn suối cam lồ

Tịnh hóa bốn ám chướng và gieo trồng hạt giống tứ thân,

Là căn bản của con đường tu trì thân chú.

Đây là lời huấn thị tâm yếu của ta. (Luận)

Khi ta tìm được một bậc đạo sư phẩm hạnh và trì giữ tam muội gia giới (samaya), khi đó ta có thể thụ

nhận giáo pháp Kim Cương Thừa. Nếu hỏi về sự khác biệt giữa kinh thừa và mật thừa thì xin trả lời đó chính là nghi thức quán đĩnh, tiếng Phạn nghĩa là abhisheka. Bất kỳ pháp tu nào đòi hỏi phải được thụ nhận quán đĩnh thì chúng ta gọi đó là pháp tu theo Kim Cương Thừa. Nếu pháp tu nào không đòi hỏi phải thụ nhận quán đĩnh thì pháp tu đó thuộc về hệ thống kinh thừa.

Lý do cần phải có quán đĩnh

Tâm thức phàm phu của chúng ta không được thành thực và chín muồi. Vì thế, nó cần phải được thuần thực bằng quán đĩnh. Theo tiếng Tạng, cam lồ có nghĩa là dutsi được dùng để chỉ một chất liệu có thể chuyển hóa các độc tố thành cam lồ. Nó còn được gọi là thứ mật ngọt thanh tịnh hay nước cam lồ vô ưu. Cho nên sự liên hệ này nhắc đến phẩm chất của sự chuyển hóa giống như trong thuật luyện kim vậy

Trong thuật luyện kim, các hợp kim được chuyển hóa thành vàng. Tâm thức của chúng ta giống như hợp kim được chuyển hóa thành vàng nhờ vào lễ truyền pháp quán đĩnh. Trong khi dòng suối cam lồ được quán đĩnh ban phúc lên chúng ta trong buổi lễ, chúng ta thiền định và quán tưởng mình chuyển hóa, thể nhập và an trụ trong trạng thái của Bản tôn hóa thân, nhờ đó tịnh hóa hết thảy ám chướng và tà niệm. Chúng ta hiển lộ tâm tính của mình đồng như tâm của Bản tôn hóa thân không khác. Toàn bộ sắc thân của chúng ta được chuyển hóa thành mandala của bản tôn.

Thông qua bốn quán đĩnh, chúng ta tịnh hóa bốn ám chướng. Nhờ tịnh hóa bốn ám chướng, chúng ta gieo trồng hạt giống thành tựu tứ thân trong tương lai. Các thứ lớp này là những yếu tố căn bản của tantra, gốc rễ của hệ thống Kim Cương Thừa. Nếu chúng ta không đón nhận lễ truyền pháp quán đĩnh này, chúng ta không có quyền thực hành tu tập Kim Cương Thừa. Vì thế chúng ta cần phải biết trân quý cơ hội hy hữu khi được đón nhận quán đĩnh

Bốn quán đĩnh đó là:
quán đĩnh bình,
quán đĩnh bí mật,
quán đĩnh trí tuệ
quán đĩnh thứ tư.

Bốn ám chướng gồm:
thân,
khẩu,
ý,
khí vi tế.

Bốn thân gồm:
Hóa Thân,
Báo Thân,
Pháp Thân,
Thể tính thân Svabhavikakaya.

Thông qua thiền định về quán đĩnh đầu tiên, tức là bình quán, chúng ta tịnh hóa các ám chướng của thân. Hiện giờ chúng ta thấy bản thân mình chỉ là một phàm phu thường tình bằng xương, bằng máu vốn là nguồn gốc của phiền não khổ đau. Nếu như chúng ta thấy rõ được điều này trong lễ truyền pháp quán đĩnh, chúng ta có thể hiển lộ được thân phàm phu của mình thành thân giác ngộ. Nói cách khác, chúng ta chuyển hóa bản thân mình thành bản tôn hóa thân. Bằng cách thể nhập vào trạng thái của hóa thân, chúng ta gieo trồng hạt giống thành tựu Hóa Thân Phật.

Trong phần quán đĩnh thứ hai gọi là mật quán, chúng ta tịnh hóa những ám chướng gây ra bởi khẩu nghiệp. Tất cả những khẩu nghiệp bất thiện và những lời vô nghĩa không biết dừng nghỉ của chúng ta được chuyển hóa thành khẩu giác ngộ của Đức Phật. Bằng cách tịnh hóa các ác nghiệp ám chướng thuộc về khẩu, chúng ta gieo trồng hạt giống thành tựu Báo Thân Phật.

Nhờ quán đĩnh thứ ba tức là quán đĩnh trí tuệ, chúng ta tịnh hóa tất cả ác nghiệp ám chướng thuộc về ý. Tất cả si mê ám chướng (Trần sa hoặc) của chúng ta được chuyển hóa thành bản chất trí tuệ và tự tính tâm của chúng ta hiển lộ vô biên không giới hạn. Bằng cách tịnh hóa ý nghiệp, chúng ta gieo trồng hạt giống thành tựu Pháp Thân Phật.

Quán đĩnh thứ tư đôi khi còn được gọi là quán đĩnh ngữ tôn quý, song thông thường được gọi là quán đĩnh ‘thứ tư’. Nhờ được thụ nhận quán đĩnh thứ tư này, chúng ta tịnh hóa các ám chướng vi tế (vô minh hoặc) để thành tựu quả vị giác ngộ. Những ám chướng vi tế của phân biệt nhị nguyên được chuyển

hóa thành sự tỉnh thức nguyên thủy – trí tuệ bản lai. Bằng cách tịnh hóa các ám chướng vi tế, chúng ta gieo trồng hạt giống thành tựu Thể tính thân siêu việt Svabhavikakaya

Bốn quán đỉnh này thường tương ứng với bốn thứ lớp tantra tối thượng như tantra Hỷ Kim Cương Hevajra (Kyedorje), Thắng Lạc Kim Cương Chakrasamvara (Demchog), Kim Cương Phật Mẫu Vajrayogini (Dorje Naljorma)

Thụ nhận Năng lực

"Thực sự sẽ rất thâm sâu và nhiệm màu nếu hành giả có thể bắt đầu con đường hành trì Kim Cương Thừa dựa trên sự hiểu biết minh xác về mật đạo tantra. Một số đạo sư Tây Tạng trong quá khứ từng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các giáo pháp Kim Cương Thừa bằng sự biểu trưng của linh kim cương và chữ kim cương. Người Tây Tạng cho rằng nếu hành giả biết sử dụng những pháp khí này đồng thời hiểu được tầm quan trọng của pháp khí này và hiểu biết đầy đủ về đạo lộ Kim Cương Thừa thì khi rung linh, nó sẽ mang ý nghĩa và sự biểu đạt thâm sâu vi diệu. Nếu không, việc rung chuông đơn thuần thực sự không chứa đựng một chút ý nghĩa nào. Ai cũng có thể thấy được là chuông đeo ở cổ bò có thể kêu rất to."

Quán đỉnh mới chỉ là sự khởi đầu nhập môn. Để được lợi ích dài lâu, tiếp theo sau đó phải là sự tu tập hành trì đúng cách dưới sự hướng đạo của Kim Cương thượng sư giác ngộ.

Các pháp tu tantra được phân chia theo hệ thống thứ lớp trong đó quán đỉnh là một yếu tố quan trọng không thể thiếu, vì vậy một lễ truyền pháp quán đỉnh – hay wang có thể thuộc về bất kỳ một tantra nào. (Số lượng và loại tantra phụ thuộc vào hệ phái Phật Giáo cụ thể). Những quán đỉnh phổ biến nhất là của những hóa thân bản tôn như Quan Âm Tứ Thủ, Lục Độ Mẫu và A Di Đà (Chenrezi, Green Tara, Amitabha).

Bất kỳ giáo pháp nào liên quan đến quán đỉnh đều đòi hỏi đi kèm với phát nguyện thực hành tu tập.

Những yêu cầu để được thụ quán đỉnh

Phát tâm

- (1) phát tâm nguyện thụ nhận ân đức gia trì
- (2) phát tâm thực hành những giáo pháp tương ứng trong tương lai
- (3) phát tâm tức thời thực hành giáo pháp được truyền thụ

Nhân duyên điều kiện

Để lễ truyền pháp quán đỉnh hiệu nghiệm, cần hội đủ ba nhân duyên điều kiện sau:

1. Động cơ của người thầy phải thanh tịnh dựa trên cơ sở tình yêu thương và lòng bi mẫn. Người thầy cũng phải đã từng đón nhận lễ truyền pháp quán đỉnh và bản thân có kinh nghiệm tu chứng.

2. Người đệ tử phải có tín tâm không chút nghi báng về sự hợp thức của buổi lễ và phẩm hạnh của đạo sư. Người thầy phải được hiểu là hiện thân của Đức Phật và bậc đạo sư của chính ngài. Những phẩm chất cá nhân thường nhật của người thầy không quan trọng bằng vai trò là kim cương thượng sư của ngài.

3. Những pháp khí biểu tượng trong buổi lễ như tranh ảnh, hình tượng, bình quán đỉnh [bumpa], và những phẩm vật cúng dường được chuẩn bị đầy đủ

Một pháp tu là chân thực khi nó hội tụ đầy đủ các phương diện sau của sự truyền pháp:

1. bắt nguồn từ một dòng truyền thừa không gián đoạn
2. sự truyền pháp bao gồm nghi lễ quán đỉnh
3. khâu truyền phân kinh văn của nghi quỹ
4. giảng nghĩa kinh văn và các hình ảnh biểu tượng
5. truyền trao năng lượng tâm linh vốn là đặc trưng và hiện hữu sẵn có trong các bản tôn/pháp tu.

Nghi thức

Để tham gia quán đỉnh truyền pháp, bạn phải hoàn tất lễ Quy y. Cũng có lúc, lễ Quy y được tiến hành ngay trước buổi truyền pháp để những người sơ tâm có thể tham gia. Đây là trường hợp thường thấy ở các nước phương Tây do các đạo sư Kim Cương Thừa không đến thăm được nhiều và thường xuyên.

Một lễ quán đỉnh wang bao gồm nhiều nghi lễ thánh hóa/tịnh hóa. Đại lễ quán đỉnh chính có thể bao gồm bốn phần truyền pháp, gia trì hoặc thánh hóa, một số

nghi lễ này lại chia ra thành nhiều nghi lễ nhỏ hơn nữa.

Một nghi lễ Quán đĩnh wang nhỏ thường gồm ba phần tịnh hóa Thân, Khẩu, Ý –ba cửa ngõ tạo nghiệp (karma) của mỗi chúng sinh. Thực chất, xét ở bình diện tuyệt đối, Thân, Khẩu, Ý vốn dĩ vẫn thanh tịnh, chỉ có điều chúng ta chưa nhận ra được điều đó.

Về bản chất, mục đích của tu tập mật thừa là tịnh hóa mọi tạo tác của Thân, Khẩu, Ý bằng cách tiêu trừ những nhiễm ô phiền não bất tịnh của thân tâm (kleshas) để những hành động của chúng ta trở nên giống như những thiện hạnh của chư Phật. Như lời Pháp Vương Karmapa Ugyen Trinley đã khai thị: Hạnh phúc đạt được khi ta hợp nhất động cơ và hành động.

Thụ nhận quán đĩnh cũng giống như việc gieo một hạt giống trong tâm thức; sau này, khi hội đủ nhân duyên, hạt giống đó sẽ nảy mầm thành Giác ngộ. Vì vậy mà, khi một Đại lễ Quán đĩnh được tuyên bố, thì thường đi kèm với ‘Yêu cầu Quy y’ là ‘phát nguyện trì giữ’

Lễ Tịnh hóa Thân giúp thanh lọc những uế trước về thân để chúng ta có thể quán tưởng bản thân mình thành vị hóa thân bản tôn. Chẳng hạn như, bất luận già hay trẻ, nam hay nữ, chúng ta đều là Quán Thế Âm Bồ Tát với một mặt, bốn tay, cầm tràng hạt và ngọc như Ý, v.v...
Lễ Tịnh hóa Khẩu giúp thanh lọc khẩu nghiệp và cho phép chúng ta trì tụng câu thần chú tương ứng.

Lễ Tịnh hóa Ý giúp ta thực chứng sự bất nhị của tâm mình và tâm của bản tôn, từ đó siêu việt được năng – sở đối đãi nhị nguyên thường ngày.

Cả ba nghi lễ trên đây ban năng lực cho phép ta hành trì một pháp tu thiền định nào đó mà theo đây (bên cạnh những yếu tố khác nữa) ta được phép quán tưởng tự thân là hóa thân bản tôn, trì tụng thần chú, xua tan những vọng tưởng phân biệt giữa hành giả và đức bản tôn. Hình thức tu tập này giúp chúng ta liễu ngộ bản tâm của mình với tâm của chư Phật không khác.

Do các phần quán tưởng diễn ra trong đại lễ quán

đĩnh chính khá dài và phức tạp, nên người ta có thể chuẩn bị những tờ chú thích và giảng nghĩa. Một số người có thể mang theo giấy bút để ghi lại.

Nếu lễ quán đĩnh wang còn bao gồm Bình Quán thì sẽ cần có các bình quán đĩnh trang trí bằng lông không tước. Nước ở trong bình sẽ được Kim Cương Thượng Sư tịnh hóa trước khi diễn ra lễ quán đĩnh. Trong lúc tiến hành nghi lễ, bình nước sẽ được đặt lên đầu các Phật tử (họ thường xếp thành hàng và từng người một tiến lên để nhận sự gia trì từ Kim Cương Thượng Sư) và có thể được ban một chút nước cam lồ từ bình nước thiêng. (Ngài sẽ đổ nước cam lồ vào lòng bàn tay bạn đang chụm lại, sau đó bạn sẽ hóp nước từ lòng bàn tay, và xoa lên đầu mình chỗ nước còn sót lại)

Chuẩn bị cho lễ quán đĩnh

Bạn cần chuẩn bị kỹ lưỡng như thể đang chuẩn bị được thụ nhận lễ quán đĩnh từ chính Đức Phật Thế Tôn vậy bởi vì bạn đang thực sự đón nhận sự truyền thừa và dòng ân phúc gia trì từ đức Phật truyền không gián đoạn đến các bậc truyền thừa tổ sư cho đến bạn.

Trong nghi thức chuẩn bị trước khi tiến hành buổi lễ quán đĩnh, đức thượng sư sẽ quán tưởng ngài là một hoá thân bản tôn. Trong suốt buổi lễ quán đĩnh, bạn cần tôn kính xem đức thượng sư bất khả phân với hoá thân đó và quán tưởng ngài trong pháp tướng của bản tôn. Buổi lễ sẽ đặc pháp thành tựu hơn nếu bạn có thể xây dựng được một niềm tin không lay chuyển rằng mình đang thụ nhận quán đĩnh từ một vị hoá thân.

Chẳng hạn như, nếu bạn đang thụ quán đĩnh Quán Âm thì bạn cần không ngừng quán tưởng đức Kim Cương Thượng Sư trong pháp tướng của Bồ Tát Quán Thế Âm và tin tưởng rằng chính Đức Bồ Tát Quán Thế Âm đang trao truyền quán đĩnh cho bạn.

Trước khi gia nhập đàn tràng quán đĩnh, bạn cần cởi bỏ giày dép và xúc miệng bằng nước sạch. (Thông thường sẽ có những người phụ giúp rót nước và cầm ống nhỏ để bạn xúc miệng.)

Nếu đức kim cương thượng sư đã an tọa, bạn cần hướng về ngài đĩnh lễ ba lần. Trước mỗi lần đĩnh lễ,

bạn nhẹ nhàng chấp hai bàn tay khum khum lại với nhau và chạm vào trán, cổ họng và ngực. Nếu vì lý do sức khỏe hay những lý do khác không thể đỉnh lễ dài, thì bạn có thể hướng về đức thượng sư cúi thấp mình ba lần.

Tốt nhất là bạn có thể ngồi thể liên hoa hai chân bắt chéo nhau, nhưng nếu vì lý do thân thể không thể an toạ như vậy được thì cũng có thể ngồi trên ghế hoặc bệ. Nếu khi ngồi bắt chéo chân khiến chân và lưng bạn đau mỏi thì hãy nhẹ nhàng thay đổi tư thế. Bạn không nên nằm trên sàn hay ngồi duỗi chân chĩa về phía thượng sư.

Trước khi lễ quán đĩnh bắt đầu, vị thị giả của ngài thông thường sẽ đưa cho bạn một nhúm gạo và bạn cần giữ nhúm gạo đó trong tay. Nhúm gạo đó được dùng để cúng dường mandala diễn ra ngay sau khi lễ quán đĩnh bắt đầu.

Luôn có ít nhất hai lần cúng dường mandala trong một buổi lễ quán đĩnh (lúc bắt đầu và lúc kết thúc), vì vậy bạn có thể để lại một ít gạo bên cạnh mình (hoặc bỏ vào túi) dành cho phần cúng dường mandala vào cuối buổi lễ.

Trong khi chờ lễ quán đĩnh bắt đầu, thay vì ngó nghiêng xung quanh, bạn nên suy ngẫm về lý do tại sao bạn có mặt tại đàn tràng. Khai phát tâm bồ đề như sau là vô cùng trọng yếu: chúng hữu tình chịu nhiều ưu phiền khôn ngoan bất như ý gây ra bởi si mê và dục vọng. Cho dù có thể nhận thức được hiện thực khổ đau mang tính phổ quát này song bạn không thể làm được gì nhiều vì cũng như tất cả mọi chúng sinh khác, bạn đã bị buộc ràng vào nó quá lâu rồi. Chỉ bằng cách thành tựu từ bi, trí tuệ và dũng lực của chư Phật mới có thể tự cứu chính mình và chúng sinh khỏi khổ đau, như vậy là vì lợi ích của hết thảy hữu tình mà bạn nguyện thọ nhận quán đĩnh này. (Đây cũng chính là nội dung của Tứ đế và Bồ Đề nguyện của Đại Thừa)

Phần mở đầu

Lễ Quán đĩnh thường được bắt đầu bằng lễ phát nguyện Quy y và một số bài cầu nguyện tán tụng mở đầu. Tiếp đến là lễ cúng dường mandala lên kim cương thượng sư tôn quý (guru), bạn cần quán tưởng

ngài là vị hóa thân bản tôn, vì nhiều vây quanh ngài là chư Phật và chư vị Bồ Tát.

Vị tăng thị giả cho ngài có thể làm mẫu cho bạn noi theo, thường là đỉnh lễ ba lần đồng thời đổ đầy gạo lên chiếc đĩa mandala bằng bạc. Trong lúc này, đại chúng tham dự kiết ấn cúng dường mandala (trong đó hai ngón tay áp út được đặt đối nhau hướng thẳng lên, biểu tượng cho trục của vũ trụ theo quan niệm của người Ấn Độ cổ đại về vũ trụ học), tuy nhiên nó không phải là điều căn bản. Hãy quán tưởng rằng bằng cách không chỉ cúng dường một chút gạo như vậy, bạn thực sự đang cúng dường toàn bộ vũ trụ trong đó có hàng triệu triệu thế giới chứa đầy những phẩm vật cúng dường cát tường. Theo đó chính là bạn đang cúng dường toàn bộ những phẩm vật đó lên đức Kim Cương Thượng Sư, người truyền trao pháp quán đĩnh cho bạn.

Khi vị thị giả tụng xong bài kệ cúng dường mandala và tung gạo vào không trung thì bạn cũng làm tương tự bằng cách chuyển động bàn tay xuất phát từ nơi trái tim hướng ra phía ngoài để phát tán những hạt gạo – cử chỉ này tượng trưng cho tâm chí thành của hành động cúng dường này.

Sau đó, Kim Cương Thượng Sư sẽ trì tụng một số lời cầu nguyện triệu thỉnh bằng tiếng Tạng. Bạn cố gắng nhắc lại theo ngài từng câu càng nhiều càng tốt. Đề biểu hiện tín tâm sùng kính hiển dăng, đại chúng thường chấp hai tay trước ngực trong lúc khấu truyền, cầu nguyện.

Trong phần mở đầu hay chuẩn bị này, chúng ta trì tụng Bảy Lời Cầu Nguyện:

1. Chúng con nguyện sám hối tất cả mọi tội lỗi đã gây ra từ vô thủy
2. Chúng con hoan hỷ tùy hỷ tất cả công đức của chư Phật, chư Bồ tát và hết thảy hữu tình
3. Chúng con phát nguyện Bồ đề tâm Tuyệt đối – thực chứng Chân lý cứu kính hay còn gọi là Chân Không
4. Chúng con nguyện Quy y Phật – Pháp – Tăng cho đến khi thành tựu Giác ngộ
5. Chúng con nguyện trường dưỡng Bồ đề tâm Tương đối – mong cầu thành tựu Đại Giác ngộ vì lợi ích giải thoát hết thảy chúng hữu tình khỏi luân hồi

6. Với mục đích này chúng con nguyện tinh tấn tu hành đạt tới Giác ngộ giải thoát
7. Chúng con nguyện hồi hướng toàn bộ công đức này tới toàn bộ chúng hữu tình để được bình an và giải thoát

Lịch sử, nguồn gốc

Thông thường, Kim Cương Thượng Sư sẽ giải thích về nguồn gốc của mật chú tantra, tức là về việc tantra đó được đưa vào thực hành tu tập như thế nào và có quan hệ gì đến dòng truyền thừa của ngài.

Giải thích quán đĩnh

Trong suốt đại lễ quán đĩnh, nhiều phần quán tưởng và nghi lễ khác nhau được thực hiện. Có thể đức Kim Cương Thượng Sư sẽ giới thiệu về các đề mục này ngay từ đầu, hoặc giải thích vào thời điểm thích hợp sau đó.

Quán tưởng trong phần chính của nghi lễ quán đĩnh wang phức tạp hơn quán tưởng trong nghi lễ chuẩn bị. Chẳng hạn, trong phần chính bạn có thể phải quán tưởng về các vị bản tôn xuất hiện trên không trung, hay từ tim của Kim Cương Thượng Sư, và những chủng tử tự bằng tiếng Tạng hiện ra ở những vị trí nhất định trên thân ngài hay ngay trên thân bạn.

Bạn có thể được yêu cầu quán tưởng những luồng ánh sáng với màu sắc khác nhau từ tim ngài phóng ra tỏa chiếu lên bạn cùng vô số chúng hữu tình, thanh lọc mọi phiền trược nhiễm ô.

Đôi khi, theo yêu cầu của Kim Cương Thượng Sư, bạn có thể phải quán tưởng về chính tự thân mình trong pháp tướng của những bản tôn. Nghi lễ Tịnh Hóa Thân này được thực hiện khi vị thị giả dâng hương.

Trong phần Tịnh Hóa Khẩu, thông thường bạn sẽ phải quán tưởng thân chú của vị hóa thân bản tôn (viết bằng tiếng Tạng) đi từ tim của Kim Cương Thượng Sư thể nhập vào tim bạn. Lúc này, ngài sẽ trì thân chú và bạn nhắc theo ba lần. Trong nghi lễ Tịnh Hóa Ý, bạn quán tưởng trong tâm chủng tử tự của vị bản tôn và bằng cách chú

tâm vào chủng tử tự này – tức là tinh yếu của đức bản tôn - bạn cố gắng liễu ngộ tâm mình và tâm của Thượng Sư hay đức bản tôn hóa thân là bất khả phân.

Phần kết thúc quán đĩnh

Đại lễ Quán đĩnh kết thúc với nhiều bài tán tụng cầu nguyện và lễ cúng dường mandala cuối cùng để bày tỏ lòng tri ân tới Kim Cương Thượng Sư vì đã trao truyền quán đĩnh (wang). Trong phần kết thúc quán đĩnh này, các đệ tử xếp thành hàng một đi nhiều qua nơi tòa của Kim Cương Thượng Sư để thụ nhận gia trì, chẳng hạn ngài sẽ đặt chày kim cương hay bình quán đĩnh lên đỉnh đầu đệ tử, hoặc đôi khi để chiêm bái một hình ảnh nào đó.

Nếu mandala của vị bản tôn đã được kiến lập (dành cho những đại lễ quán đĩnh), bạn nên chiêm bái và đỉnh lễ đức bản tôn hóa thân ở trung tâm của mandala để đón nhận gia trì và thành tựu pháp.

Drukpa Việt Nam

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Chiếc Cùm Bằng Ngọc

Thuở xưa, có một nàng công chúa bị quân địch bắt về giam giữ tại một hang núi nọ. Quân giặc trói nàng bằng một chiếc cùm bằng sắt, nạn nhân liền phản đối âm ỉ, lúc nào cũng tìm cách thoát thân.

Cuối cùng bọn giặc nhốt nàng vào một chiếc lều sơn son thếp vàng thật đẹp, đổi chiếc cùm bằng sắt bằng chiếc cùm vàng nạm ngọc... Nạn nhân liền đổi giận làm vui, nghĩ rằng từ nay mình được sở hữu cả một gia tài khổng lồ nên đành cam chịu cảnh tù tội, không bao giờ nghĩ cách thoát thân nữa.

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ◆ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ◆ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ◆ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ◆ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ◆ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Phật Học Inc
7913 Rochelle Road
Louisville, KY 40228-2379

NON-PROFIT ORG.
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368

To: